

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2016,
kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện kế hoạch năm 2016 trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu thấp hơn dự báo, giá dầu thô ở mức thấp; xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ diễn ra ở một số quốc gia, khu vực. Ở trong nước, tăng trưởng kinh tế chậm lại, dự ước không đạt kế hoạch¹. Ngoài những khó khăn chung, tỉnh ta còn gặp khó khăn riêng do rét đậm, rét hại kéo dài, ô nhiễm môi trường xảy ra ở một số địa phương; tiến độ thực hiện một số dự án công nghiệp lớn còn chậm, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, đời sống nhân dân và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch. Trong điều kiện nêu trên, được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội năm 2016 cơ bản giữ được ổn định và tiếp tục có bước phát triển; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; có 24/26 chỉ tiêu chủ yếu được HĐND tỉnh quyết nghị hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra². Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế vượt kế hoạch đề ra, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 9,05%, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 2,52%, công nghiệp - xây dựng tăng 11,96%, dịch vụ tăng 8,83%, thuế sản phẩm tăng 9,16%; cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 16,6% (giảm 1,3%); công nghiệp - xây dựng chiếm 40,6% (tăng 1,4%); dịch vụ chiếm 38,5% (tương đương cùng kỳ), thuế sản phẩm chiếm 4,3% (giảm 0,1%). GRDP bình quân đầu người ước đạt 1.620 USD, gần bằng mục tiêu đề ra.

1.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản tiếp tục phát triển ổn định và đạt kết quả khá toàn diện; giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 25.968 tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực ước đạt 1,72 triệu tấn, vượt 3,3% kế hoạch, trong đó sản lượng lúa ước đạt 1,49 triệu tấn, vượt 6,4% kế hoạch; năng suất lúa

¹ Tăng trưởng kinh tế cả nước năm 2016 ước đạt 6,3 - 6,5%, không đạt KH (6,7%) và thấp hơn năm 2015 (6,68%).

² Có 02 chỉ tiêu dự ước không đạt KH là: GRDP bình quân đầu người, tỷ lệ đô thị hóa.

bình quân ước đạt 58,8 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha. Trong năm 2016, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 6.248 ha cây trồng kém hiệu quả sang trồng các cây khác có hiệu quả và giá trị kinh tế cao hơn³; thực hiện 42 mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả với diện tích 11.850 ha; các cây trồng mà tỉnh có lợi thế⁴ tiếp tục được quan tâm phát triển; thực hiện 70 cuộc thanh tra, kiểm tra về chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm tại 960 đơn vị, phát hiện và xử lý 151 đơn vị vi phạm; thẩm định, chứng nhận cho 31 cơ sở đủ điều kiện về an toàn thực phẩm, cấp tem nhãn cho 37 đơn vị sản xuất rau an toàn tập trung.

Chăn nuôi phát triển ổn định, đàn gia súc, gia cầm, sản lượng thịt hơi, trứng, sữa tươi đều tăng so với cùng kỳ⁵; chăn nuôi trang trại, gia trại tiếp tục phát triển, tập trung phát triển các con nuôi có giá trị kinh tế cao⁶. Sản xuất lâm nghiệp đạt kết quả tích cực; giá trị sản xuất ước đạt 1.534 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ; trồng rừng tập trung ước đạt 10.500 ha, vượt 5% kế hoạch; khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc, bảo vệ rừng được thực hiện theo kế hoạch⁷; khai thác gỗ ước đạt 499,8 nghìn m³, tăng 25,4% so với cùng kỳ; tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 52,92%, vượt kế hoạch.

Sản xuất thủy sản tăng trưởng khá; giá trị sản xuất ước đạt 4.686 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 151,3 nghìn tấn, tăng 5,5%, trong đó khai thác đạt 100 nghìn tấn, tăng 6,5%. Năng lực khai thác xa bờ được nâng lên; toàn tỉnh hiện có 1.622 tàu công suất từ 90 CV trở lên, tăng 147 tàu so với cùng kỳ.

Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; trong năm 2016, đã công nhận 01 huyện, 45 xã, 248 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, nâng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh⁸ lên 158 xã, đạt 27,6%, vượt kế hoạch (KH là 26,2%); bình quân mỗi xã đạt 14,2 tiêu chí nông thôn mới, tăng 0,9 tiêu chí so với đầu năm.

1.2. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 63.589 tỷ đồng, vượt 1,7% kế hoạch, tăng 9,9% so với cùng kỳ, trong đó: khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 9,8%, khu vực ngoài nhà nước tăng 3,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16,6%. Hầu hết sản lượng công nghiệp chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ; một số sản phẩm tăng khá như: clinker (gấp 2,6 lần), quần áo (tăng 44,5%), ô tô tải (34,3%), điện sản xuất (26,4%), giày thể thao (17,5%). Sản xuất tiêu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; giá trị sản xuất tiêu thủ công nghiệp ước đạt 14.443 tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ, đóng góp 22,7% giá trị sản xuất ngành công nghiệp.

1.3. Các ngành dịch vụ duy trì tốc độ tăng trưởng khá; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 71.484 tỷ đồng, vượt 3,6% kế hoạch, tăng 16% so với cùng kỳ; giá cả hàng hóa, dịch vụ nhìn chung ổn định; chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng tăng 2,05% so với cùng kỳ, dự kiến cả năm tăng dưới 3%. Xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng cao; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1,737 tỷ USD, vượt

³ Gồm: 4.286 ha đất lúa, 1.962 ha mía nguyên liệu.

⁴ Như: lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao 64.534 ha; ngô thâm canh 8.000 ha; mía thâm canh 7.000 ha; rau an toàn 379 ha; cây thức ăn chăn nuôi 3.476 ha.

⁵ Tổng đàn bò tăng 6,7%, đàn trâu tăng 3,2%, đàn lợn tăng 7,1%, đàn gia cầm tăng 4,1%; sản lượng thịt hơi tăng 2,5%, sản lượng trứng tăng 5,2%, sữa gấp 1,72 lần so với cùng kỳ.

⁶ Như: bò sữa, bò thịt chất lượng cao, lợn hương nạc, gà lông màu, con nuôi đặc sản.

⁷ Khoanh nuôi tái sinh rừng 7.605 ha, chăm sóc 44.200 ha rừng, bảo vệ 588.215 ha rừng, đạt 100% kế hoạch.

⁸ Dự kiến đến hết năm 2016, toàn tỉnh có 01 huyện, 158 xã, 300 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới

7,2% kế hoạch, tăng 12,1% so với cùng kỳ; trong đó, xuất khẩu chính ngạch ước đạt 1,554 tỷ USD, tăng 12,6%; một số mặt hàng xuất khẩu chính ngạch tăng cao như: xi măng (tăng 43,6%), dưa chuột muối (63,7%), súc sản (34%), hàng may mặc (21,4%). Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1,05 tỷ USD, bằng 91,7% kế hoạch.

Hoạt động du lịch diễn ra sôi động; các khu, điểm du lịch tiếp tục được quan tâm đầu tư, giới thiệu, quảng bá tới du khách trong và ngoài nước; chất lượng dịch vụ du lịch tại Sầm Sơn ngày càng được nâng lên, tạo sức hấp dẫn mới, góp phần thay đổi diện mạo du lịch của tỉnh. Ngành du lịch ước đón 6,3 triệu lượt khách, tăng 13,9% so với cùng kỳ, vượt 12,5% kế hoạch, trong đó có 150 nghìn lượt khách quốc tế, tăng 18,5%; doanh thu du lịch ước đạt 6.280 tỷ đồng, tăng 21,2%.

Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân; vận tải ước đạt 47,8 triệu tấn hàng hóa và 37,3 triệu lượt khách, so với cùng kỳ tăng 7,5% về hàng hóa và 20,2% về lượt khách. Cảng hàng không Thọ Xuân tiếp tục phát triển nhanh; tổng lượng khách qua cảng ước đạt 800 nghìn lượt người, gấp 1,6 lần năm 2015; đã mở mới đường bay Thanh Hóa - Nha Trang và đang xúc tiến mở thêm một số đường bay mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, mở rộng vùng phục vụ với công nghệ hiện đại, chất lượng được nâng cao; mật độ điện thoại ước đạt 79,32 máy/100 dân (tăng 1,38 máy so với cùng kỳ); toàn mạng có 790 nghìn thuê bao Internet, đạt mật độ 22,3 người sử dụng/100 dân.

Huy động vốn của các tổ chức tín dụng ước đạt 61.750 tỷ đồng (không bao gồm vốn của Ngân hàng phát triển) tăng 20,6% so với đầu năm; tổng dư nợ ước đạt 73.150 tỷ đồng, tăng 19%. Mặt bằng lãi suất cho vay có xu hướng giảm; đầu tư tín dụng theo các chủ trương, chính sách của Chính phủ⁹ được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hiện có khoảng 4.000 doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng, tăng 690 doanh nghiệp so với đầu năm, dư nợ đạt 28.217 tỷ đồng, tăng 13,3%.

1.4. Thu NSNN ước đạt 12.300 tỷ đồng, vượt 10,8% dự toán, trong đó: thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất đạt 8.700 tỷ đồng, vượt 18% dự toán, tăng 12% so với cùng kỳ. Một số khoản thu tăng cao như: thuế thu nhập cá nhân (tăng 62%), thuế bảo vệ môi trường (46%), thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương (17%). Chi ngân sách địa phương ước đạt 23.284 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực.

1.5. Công tác phát triển doanh nghiệp tiếp tục được quan tâm, hoạt động của các doanh nghiệp có chuyển biến tích cực; thành lập mới 1.400 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 8.315 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 13,5% về số doanh nghiệp và 26,9% về vốn đăng ký. Trong số 8.534 doanh nghiệp đang hoạt động, có khoảng 6.770 doanh nghiệp phát sinh doanh thu với tổng doanh thu ước đạt 162.168 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ; nộp ngân sách của khối doanh nghiệp ước đạt 4.765 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

⁹ Gồm: vay đóng tàu đánh bắt xa bờ, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết 30a, cho vay 05 lĩnh vực ưu tiên.

2. Hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh; kết quả thu hút các dự án đầu tư tăng cao so với cùng kỳ

2.1. Tỉnh đã tiếp và làm việc với Đoàn công tác của các nước, các tổ chức tài chính quốc tế, tổng công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, xúc tiến đầu tư ở nước ngoài để vận động, thu hút đầu tư vào tỉnh. Tính đến 30/11, đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 199 dự án (11 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký 27.745 tỷ đồng và 155 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 84 dự án và gấp 2,2 lần vốn đăng ký, trong đó có một số dự án quy mô lớn như: dây chuyền 2 xi măng Long Sơn (3.882 tỷ đồng); quần thể du lịch cao cấp Bến En (4.960 tỷ đồng); sản xuất máy kéo hạng trung (1.500 tỷ đồng), tái chế chất xúc tác thải tại KKT Nghi Sơn (30 triệu USD); xử lý rác thải sinh hoạt tại TP Thanh Hóa (647 tỷ đồng).

2.2. Huy động vốn đầu tư phát triển ước đạt 125.100 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch và tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó vốn đầu tư từ NSNN tăng 12%; vốn tín dụng đầu tư phát triển tăng 11%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước tăng 17%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2%; vốn đầu tư của dân cư và các thành phần kinh tế khác tăng 26%. Trong năm, đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án quan trọng như: dây chuyền 1 - xi măng Long Sơn; đường Hồ Xuân Hương, Trần Nhân Tông, dự án không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, TX. Sầm Sơn; Đại lộ Nam sông Mã (GD 1); quốc lộ 217 (GD 1); khu hàng không dân dụng - Cảng hàng không Thọ Xuân. Khởi công mới một số dự án như: Trung tâm thương mại Vincom và Trụ sở làm việc Thành ủy - HĐND - UBND TP Thanh Hóa; khu đô thị Sao Mai, huyện Triệu Sơn; dây chuyền 2 - xi măng Long Sơn... Tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án sử dụng vốn NSNN, TPCP đạt khá so với kế hoạch và cùng kỳ; giá trị khối lượng thực hiện ước đạt 4.570 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch; giá trị giải ngân ước đạt 4.935 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch (do một số nguồn vốn, chương trình, dự án mới được Trung ương giao kế hoạch, được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2017). Hoàn thành các thủ tục đầu tư để chuẩn bị thực hiện một số dự án lớn như hệ thống thủy lợi sông Lèn (1.600 tỷ đồng)...

3. Lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến tiến bộ; các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm được thực hiện đầy đủ, kịp thời

3.1. Hoạt động khoa học và công nghệ được đẩy mạnh theo hướng ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống; trong năm, đã nghiệm thu 40 nhiệm vụ khoa học công nghệ; thẩm định và cấp giấy chứng nhận cho 4 doanh nghiệp khoa học công nghệ; một số sản phẩm do doanh nghiệp nghiên cứu được chuyển giao trên thị trường¹⁰; kiểm tra 106 cơ sở sản xuất kinh doanh, phát hiện và xử phạt 18 cơ sở vi phạm tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

3.2. Hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh; trọng tâm là tuyên truyền về Đại hội XII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông

¹⁰ Nhu: giống lúa lai 3 dòng Thanh Hóa 1, giống lúa Thuận Việt 1 của Công ty CP Giống cây trồng; phân bón N-P-K-Si của Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông; máy chế biến chân không AD-BBB mạ vàng, bạc, đồng của Công ty quảng cáo Ánh Dương; phần mềm ứng dụng sử dụng trong các bệnh viện của Công ty TNHH Minh Lộ

thôn mới ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu; trong năm, có 87 làng, bản, tổ dân phố, 161 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký xây dựng đạt chuẩn văn hóa; 56 xã đăng ký xây dựng đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 05 phường, thị trấn đăng ký đạt chuẩn văn minh đô thị.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì, phát triển; đã tổ chức thành công trên 650 giải thể thao cấp tỉnh, huyện, xã; tỷ lệ dân số luyện tập TDTT thường xuyên ước đạt 37%, tăng 2% so với cùng kỳ. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đồng khu vực III (xếp thứ nhất toàn đoàn) và Hội khỏe Phù Đồng toàn quốc lần thứ IX (xếp thứ 3 toàn đoàn). Thể thao thành tích cao đoạt 662 huy chương (226 HCV) tại các giải quốc gia và quốc tế.

3.3. Ngành giáo dục đã hoàn thành tốt chương trình năm học 2015 - 2016 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2016 - 2017; tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2016 đạt 96,89% (tăng 5% so với năm học trước). Giáo dục mũi nhọn đạt kết quả tốt nhất trong nhiều năm qua; tại các kỳ thi Olympic quốc tế, học sinh tỉnh ta đạt 01 HCV Hóa học, 01 HCB Toán học, 01 HCD Sinh học; kỳ thi học sinh giỏi quốc gia khối THPT, học sinh tỉnh ta đạt 58 giải (6 giải nhất), xếp thứ 4 toàn quốc. Có thêm 42 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 56,2%, vượt kế hoạch (KH là 55,3%)

3.4. Ngành y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; các bệnh viện Trung ương, tuyến tỉnh đã chuyển giao 271 kỹ thuật cho bệnh viện tuyến huyện; phê duyệt 5.000 danh mục kỹ thuật mới cho các bệnh viện, phòng khám đa khoa và các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Trong năm, có thêm 94 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tỷ lệ chung cả tỉnh lên 60%, vượt kế hoạch (KH là 55%); đã tổ chức kiểm tra tại 12.018 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm, phát hiện và xử lý 2.714 cơ sở vi phạm.

3.5. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo thực hiện; trong năm, đã giải quyết việc làm mới cho 64.000 người, trong đó xuất khẩu 10.000 lao động; tuyển mới đào tạo nghề cho 69.400 người, tăng 4,2% so với cùng kỳ; giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho hơn 19.000 lao động. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5% so với đầu năm, xuống còn 11%; đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho hơn 149 nghìn đối tượng chính sách và gần 44 nghìn người cao tuổi; hỗ trợ 2.136 tấn gạo cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

4. Tình hình chính trị ổn định; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Các lực lượng vũ trang đã thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình tuyến biên giới, trên biên và các địa bàn trọng điểm, chủ động xử lý các tình huống, không để phát sinh thành điểm nóng; bảo vệ an toàn tuyệt đối cho bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các sự kiện quan trọng khác của tỉnh; tích cực tham gia hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành kế hoạch tuyển quân với 4.300 quân nhân nhập ngũ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quốc phòng, an ninh cho 24.913 đồng chí.

Lực lượng công an đã mở nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm và

tệ nạn xã hội; triệt xóa nhiều băng, ổ nhóm tội phạm nguy hiểm. Trong năm 2016, đã điều tra làm rõ 1.551 vụ với 2.329 đối tượng vi phạm trật tự xã hội, chuyển khởi tố điều tra 1 082 vụ với 2.126 bị can; bắt, vận động đầu thú 295 đối tượng truy nã; phát hiện, xử lý 435 vụ với 680 đối tượng phạm tội về ma túy, 267 vụ với 313 đối tượng phạm tội về kinh tế, chức vụ. Công tác phòng cháy, chữa cháy được tập trung chỉ đạo, không để xảy ra các vụ cháy lớn. Xử lý vi phạm về an toàn giao thông được tăng cường.

5. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2016 được đề ra trong Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 (có phụ lục kèm theo).

Tóm lại, mặc dù còn nhiều yếu tố tác động bất lợi đến thực hiện nhiệm vụ năm 2016; song, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, tỉnh ta đã vượt qua khó khăn và đạt kết quả toàn diện trên các lĩnh vực. Trong những kết quả đạt được năm 2016, nổi bật là tốc độ tăng trưởng GRDP vượt kế hoạch và cao hơn năm 2015 (8,39%); đã khởi công xây dựng và hoàn thành một số dự án lớn, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển; du lịch có nhiều khởi sắc, phát triển mạnh mẽ và khẳng định vị thế mới trong bản đồ du lịch Việt Nam; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích tốt nhất trong nhiều năm, thể thao thành tích cao xếp thứ 4 cả nước; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội; đã cơ bản hoàn thành việc thể chế hóa các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đề ra và ban hành một số nghị quyết quan trọng, thiết thực với đời sống nhân dân. Những kết quả trên là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và cả giai đoạn 2016 - 2020.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Những hạn chế, yếu kém kéo dài trong nhiều năm, nhưng chậm được khắc phục, giải quyết

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm so với yêu cầu, hiệu quả sản xuất còn thấp; kết quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tình trạng vi phạm các quy định trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Tiến độ thực hiện của một số dự án sản xuất công nghiệp chậm so với kế hoạch, nhất là các dự án sản xuất điện, thép; một số nhà máy sản xuất gặp khó khăn về thị trường, nguyên liệu đầu vào nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu để khắc phục, ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Công tác vận động, xúc tiến đầu tư hiệu quả chưa cao; các ngành chức năng chưa chủ động trong việc đấu mối, đôn đốc, phối hợp với các đối tác để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đầu tư và thực hiện các cam kết của tỉnh, nên nhiều dự án đã được ký biên bản cam kết, thỏa thuận hợp tác đầu tư nhưng chưa được triển khai thực hiện. Còn xảy ra một số vụ việc phức tạp, kéo dài liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của một số đơn vị, nhưng không được giải quyết kịp thời, làm ảnh hưởng đến hình ảnh và môi trường đầu tư của tỉnh.

- Công tác GPMB tuy được quan tâm chỉ đạo và có nhiều chuyển biến, nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều dự án đầu tư trực tiếp, dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư thực hiện chậm, trong đó có nhiều dự án triển khai thực hiện rất chậm, kéo dài trong nhiều năm, gây lãng phí đất đai và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh; vốn thực hiện đầu tư trực tiếp trong nước đạt thấp so với vốn đăng ký (khoảng 55%).

- Tiến độ giải ngân vốn ODA của một số chương trình, dự án chậm so với cam kết. Nợ đọng xây dựng cơ bản ở cấp huyện, cấp xã còn cao¹¹ và có chiều hướng gia tăng, nhưng chậm được xử lý. Quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư còn nhiều hạn chế; công tác giám sát, đánh giá đầu tư chưa được quan tâm đúng mức; nhiều dự án hoàn thành quyết toán chậm so với quy định.

- Vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên còn xảy ra ở nhiều nơi, đặc biệt là khai thác cát trái phép; ô nhiễm môi trường tại một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, bãi chứa rác thải tập trung chậm được xử lý; còn xảy ra một số vụ việc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Cơ sở vật chất, thiết bị trường học nhìn chung chưa đảm bảo theo yêu cầu, nhất là khối mầm non. Các bệnh viện công vẫn trong tình trạng quá tải, đặc biệt là các bệnh viện tuyến tỉnh. Doanh nghiệp nợ BHXH của người lao động còn cao; ý thức chấp hành pháp luật của lao động còn thấp, nên một số huyện bị tạm dừng tuyển lao động đi Hàn Quốc, ảnh hưởng đến hình ảnh và thực hiện mục tiêu xuất khẩu lao động của tỉnh; tai nạn lao động nghiêm trọng tăng cao.

- Hoạt động truyền đạo trái pháp luật, di dân tự do, tội phạm ma túy còn diễn biến phức tạp; tình trạng người dân xuất cảnh trái phép ra nước ngoài làm thuê vẫn tiếp tục diễn ra¹².

2. Những hạn chế, yếu kém mới phát sinh năm 2016

- Diện tích sản xuất vụ đông chưa đạt kế hoạch (bằng 96,3%); năng suất, sản lượng lúa nguyên liệu giảm so với cùng kỳ; vi phạm các quy định trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tai nạn tàu cá trên biển, cháy rừng còn xảy ra¹³.

- Một số phẩm công nghiệp chủ yếu có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách, nhưng không đạt kế hoạch, như: xi măng (93,1%), bia (87,7%), đường (86,7%), súc sản (95,2%).

- Công tác thu tiền nợ đọng thuế, tiền sử dụng đất hiệu quả còn thấp, số nợ còn cao; thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt thấp so với kế hoạch, ước đạt 55%. Tiến độ giải ngân của một số nguồn vốn, chương trình dự án đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch. Một số dự án đã có khối lượng thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, lên phiếu giá để thanh toán và hoàn ứng theo quy định, số dư ứng còn cao (1.627 tỷ đồng). Lũy kế tiến độ thực hiện của nhiều dự án, gói thầu còn chậm so với hợp đồng.

¹¹ Số nợ đọng XDCB ở cấp huyện, cấp xã chưa được xử lý đến 15/10 trên 1.599 tỷ đồng; một số huyện có số nợ XDCB lớn như: TP. Thanh Hóa, Nga Sơn, Tĩnh Gia, Yên Định, Hoằng Hóa, Thọ Xuân, Hà Trung, Nông Cống.

¹² Có khoảng 8.000 lượt người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và trên 500 người sang Thái Lan.

¹³ Xảy ra 28 vụ tai nạn tàu cá trên biển và 06 vụ cháy rừng, thực bì với diện tích 10,77 ha.

- Quản lý, sử dụng kinh phí khám chữa bệnh để bồi chi quỹ bảo hiểm y tế. Xảy ra 9 vụ đình công, nghỉ việc tập thể tại các doanh nghiệp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do công tác chỉ đạo, điều hành của một số ngành, địa phương chưa sâu sát, cụ thể, thiếu quyết liệt; chưa xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, những vụ việc bức xúc, nổi cộm để tập trung chỉ đạo giải quyết; năng lực, ý thức, tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu; trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa cao; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm, xử lý các trường hợp vi phạm chưa đủ mạnh mẽ răn đe, giáo dục; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của một số ngành, địa phương, đơn vị chưa nghiêm túc, kịp thời.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NĂM 2016

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh với các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm ***"Hoàn thiện thể chế - tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính - tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển"***, trong đó xác định 7 vấn đề bức xúc để tập trung chỉ đạo giải quyết; đồng thời, ban hành chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp tổ chức thực hiện.

Năm 2016, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã xây dựng và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành 5 chương trình trọng tâm và 2 nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác bảo vệ môi trường. UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch thực hiện 5 chương trình trọng tâm và các kế hoạch hành động thực hiện 3 khâu đột phá và 2 nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để tổ chức thực hiện; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và xây dựng mới một số cơ chế, chính sách để thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020; đề nghị HĐND tỉnh ban hành quy định xét tặng danh hiệu "Vì sự phát triển tỉnh Thanh Hóa"; chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đề xuất nhiệm vụ giải pháp tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020; sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi đến năm 2020.

UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện và hướng dẫn thi hành Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành luật; chỉ đạo các ngành, địa phương vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, chính sách của Trung ương vào điều kiện của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

2. UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2016; cụ thể là:

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh cây trồng và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; phòng chống hạn, nhiễm mặn, cháy rừng; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đăng ký, đăng kiểm tàu cá; đẩy mạnh xây dựng huyện, xã nông thôn mới; thực hiện tốt cơ chế, chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chính sách vay vốn đóng mới tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn về vốn, cấp điện, cấp nước, mặt bằng sản xuất, nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, tạo thuận lợi cho việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án trọng điểm như: Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cảng tổng hợp quốc tế gang thép Nghi Sơn, xi măng Long Sơn, các dự án của Tập đoàn FLC...

2.3. Lĩnh vực đầu tư xây dựng: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công; chỉ đạo tạm dừng việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và dừng thực hiện bước lập và trình duyệt dự án đầu tư công do tỉnh quản lý để rà soát tình hình thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và khả năng cân đối nguồn vốn, làm cơ sở xem xét, quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư; tăng cường quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án sử dụng vốn nhà nước; hoàn chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; rà soát nhu cầu vốn còn thiếu của các dự án đầu tư công để chỉ đạo xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; điều chuyển vốn của các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch để bổ sung cho các dự án trọng điểm, dự án có tiến độ nhanh nhưng còn thiếu vốn; ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền trong hoạt động quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước và quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán các dự án trên địa bàn tỉnh.

2.4. Lĩnh vực dịch vụ: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, bán hàng đa cấp; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, du lịch; vận động doanh nghiệp và nhân dân tích cực tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm; chấn chỉnh hoạt động thu phí và nâng cao hiệu quả công

tác chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh chợ; tăng cường quản lý nhà nước đối với hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh xăng dầu; chỉ đạo tổ chức thành công hội chợ thương mại miền Tây và hội chợ thương mại quốc tế khu vực Bắc Trung bộ - Thanh Hóa năm 2016.

2.5. Lĩnh vực tài chính, ngân sách: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo sớm phân bổ kinh phí, kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án ngay từ những ngày đầu năm, tạo sự chủ động cho các đơn vị; thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đôn đốc thu NSNN; khai thác nguồn thu cấp quyền sử dụng đất, quyền khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng; điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả theo đúng dự toán; chấn chỉnh tình trạng thu phí, lệ phí trái quy định; ban hành quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; tăng cường quản lý nhà nước về giá; mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; rà soát và đề xuất mức thu, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2.6. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chỉ đạo ngăn chặn và chấn chỉnh các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, đóng cửa các mỏ khoáng sản khai thác không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hoàn chỉnh đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2.7. Lĩnh vực văn hóa - xã hội: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức Lễ công bố quyết định và đón bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Hang Con Moong, Lễ kỷ niệm 5 năm Thành Nhà Hồ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới; lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích khảo cổ văn hóa Đông Sơn; tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, lễ hội; quản lý chặt chẽ hoạt động liên kết đào tạo; khắc phục tình trạng giáo viên dôi dư; chỉ đạo chấn chỉnh dạy thêm, học thêm trái quy định và xử lý kịp thời tình trạng lạm thu đầu năm học; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 và tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2016 - 2017; chấn chỉnh tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và tin học hóa công tác giám định, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách đối với người có công; cấp gạo hỗ trợ cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; tăng cường kiểm tra đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động, đình công trái pháp luật tại doanh nghiệp; tăng cường phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em; ban hành chính sách đối với Trường THPT chuyên Lam Sơn và các trường THPT có học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế; chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút, đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu ĐH Y Hà Nội tại Thanh Hóa; chính sách hỗ trợ học sinh năng khiếu thể dục, thể thao.

2.8. Hoạt động đối ngoại và xúc tiến đầu tư: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã

đã tiếp và làm việc với Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Đại sứ Hoa Kỳ, Đoàn công tác của Hoàng tử Qawi - Vương quốc Brunei và các doanh nhân đến từ khu vực Bắc Mỹ, ASEAN, Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc, Tổng Công ty Namsan - Hàn Quốc; Đoàn cán bộ cấp cao tỉnh Gunna - Nhật Bản, Tập đoàn Boston, một số doanh nghiệp của Singapore, Malaysia, Hàn Quốc; tổ chức đoàn xúc tiến đầu tư tại Singapore; đoàn công tác làm việc tại Nhật Bản, tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức) để tìm hiểu, thiết lập, trao đổi chương trình hợp tác và kêu gọi đầu tư vào tỉnh; tổ chức hội nghị kết nối đầu tư giữa Tập đoàn FLC với các doanh nghiệp của tỉnh; ký cam kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

2.9. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo huấn luyện quân sự, chính trị, chuyên ngành cho các đối tượng theo kế hoạch; mở các đợt cao điểm đấu tranh, trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn; ngăn chặn các hành vi quá khích, lợi dụng khiếu kiện đông người để gây rối; tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, phòng chống thiên tai, cháy nổ, cứu hộ cứu nạn; chỉ đạo tuyên truyền, vận động, phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn người dân xuất cảnh trái phép ra nước ngoài làm thuê.

2.10. Lĩnh vực cải cách hành chính: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo cải cách hành chính trên các lĩnh vực được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2.11. Lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân; thực hiện thanh tra theo kế hoạch; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của công dân; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách, đầu tư xây dựng; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các sở, ngành, UBND cấp huyện; thực hiện tốt công tác tiếp công dân; phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc theo dõi, tiếp nhận khiếu nại, kiến nghị của cử tri để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

2.12. Ủy ban bầu cử tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, với tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 99,59% (cao nhất từ trước đến nay); đã bầu đủ 14 đại biểu Quốc hội và 95 đại biểu HĐND tỉnh với số phiếu tập trung, đúng định hướng, đảm bảo cơ cấu, thành phần theo phân bổ.

3. UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được đề ra trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh

3.1. Về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2016 - 2021, trong đó xác định rõ nguyên tắc làm việc, quy định phạm vi, trách nhiệm, cách thức giải quyết công việc, quan hệ công tác giữa các thành viên. Trên cơ sở đó, Chủ tịch

UBND tỉnh đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên nhiệm kỳ 2016 - 2021, tạo tính chủ động và nâng cao trách nhiệm cá nhân trong chỉ đạo giải quyết công việc được giao; đồng thời, phân công chỉ đạo, đôn đốc các dự án lớn đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành; phê bình nghiêm khắc các tập thể, các cá nhân vi phạm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; xây dựng quy định phân công, phân cấp, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng; quy định phối hợp hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; quy định trách nhiệm, quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp; quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành quy định việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, như: quy định về nghi thức lễ tân ngoại giao trong việc đón, tiếp khách nước ngoài đến thăm, làm việc và tham dự các hoạt động đối ngoại; quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng; quy định về đầu tư quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên; quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

3.2. Về thực hiện Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2016

a) Các nội dung trình UBND tỉnh: theo chương trình công tác năm 2016, có 90 nội dung trình UBND tỉnh. Đến nay, UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến 67 nội dung; đồng ý gia hạn hoặc đưa ra ngoài chương trình công tác 12 nội dung; 06 nội dung các ngành, đơn vị đã báo cáo nhưng chưa bố trí để Chủ tịch, các Phó Chủ tịch cho ý kiến trước khi trình UBND tỉnh; 05 nội dung đã quá hạn nhưng các ngành, đơn vị chưa chuẩn bị xong.

b) Về các nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh: theo chương trình công tác năm 2016, có 62 nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh; đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã xem xét, cho ý kiến 29 nội dung; 08 nội dung được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý gia hạn hoặc đưa ra ngoài chương trình công tác; 08 nội dung đã quá hạn nhưng các ngành, đơn vị chưa chuẩn bị xong và 17 nội dung chưa đến thời hạn báo cáo.

3.3. Chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc

a) Về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng đề án và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2020; đồng thời, ban hành kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện. Thành lập Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh

an toàn thực phẩm; ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm; ban hành chỉ thị tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý và công khai vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; chính sách hỗ trợ các mô hình thí điểm thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến tháng 6/2018; cơ chế, chính sách hỗ trợ bếp ăn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm.

b) Về ô nhiễm môi trường: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng đề án và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; đồng thời, ban hành kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện; chỉ đạo khắc phục kịp thời các sự cố môi trường, nhất là ô nhiễm môi trường nước trên sông Bưởi và sông Bạng; chỉ đạo xây dựng và đề nghị HĐND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2021.

c) Về sử dụng đất đối với các dự án: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án có sử dụng đất đã được chấp thuận chủ trương đầu tư từ năm 2010 đến nay, xác định cụ thể các dự án cần thu hồi, chấm dứt hoạt động do chậm tiến độ, sử dụng đất sai mục đích, vi phạm pháp luật về quản lý đất đai; năm 2016, đã thu hồi 34 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giao đất và 8 dự án được cấp có thẩm quyền giao đất; hiện nay, đang chỉ đạo tiếp tục rà soát, làm việc cụ thể với doanh nghiệp để làm rõ cơ sở pháp lý nhằm thu hồi các dự án vi phạm. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; chỉ đạo xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi tình hình thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp để triển khai thực hiện.

d) Về đảm bảo chất lượng xây dựng công trình: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng các công trình xây dựng đầu tư từ nguồn vốn nhà nước; trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị về tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

e) Về việc qua tài tại các bệnh viện công lập: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng đề án sáp nhập Bệnh viện phổi Thanh Hóa với Bệnh viện 71 Trung ương, báo cáo Bộ Y tế. Trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, để huy động nguồn lực xã hội hóa, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập và có chủ trương kêu gọi đầu tư Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình theo hình thức đối tác công tư.

g) Về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và lao động hợp đồng: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thi tuyển công chức ngạch chuyên viên năm 2016 theo hướng công khai, minh bạch, bình đẳng khách quan và đúng pháp luật; ban hành quy định mức bình quân học sinh/lớp và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập; sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập, trung học phổ thông; chỉ đạo giải quyết số lao động hợp đồng trái quy định; ban hành quy định số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các

huyện, thị xã, thành phố; xây dựng quy chế thi tuyển công chức cấp xã; chỉ đạo thanh tra việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công chức, viên chức và hợp đồng lao động tại một số ngành, địa phương.

h) Về bồi thường GPMB: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá thực trạng công tác bồi thường GPMB của các dự án, đề ra cơ chế phối hợp và các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị về triển khai đợt cao điểm GPMB thực hiện các dự án đầu tư; thành lập các Đoàn kiểm tra tình hình GPMB các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

i) Về các vấn đề khác: UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm mà cử tri và nhân dân quan tâm như: tình trạng tuyển dụng, tiếp nhận công chức, hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; cán bộ, công chức vi phạm thời gian làm việc; lạm thu các loại phí, đóng góp của người dân ở một số địa phương; vi phạm trật tự xây dựng, quản lý đề điều; nợ BHXH bắt buộc; ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lò vôi thủ công; tai nạn lao động...

4. Một số ngành, địa phương có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao, như: Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tham mưu xây dựng Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, quy định về phân cấp và ủy quyền trong quản lý đầu tư xây dựng từ vốn NSNN của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, quy định về phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán các dự án, công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc tham mưu xây dựng đề án đảm bảo an toàn thực phẩm đến năm 2020, tham mưu ban hành quy định về phân công trách nhiệm trong quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tham mưu xây dựng đề án bảo vệ môi trường đến năm 2020; Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN trong công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư; Sở Nội vụ trong việc tham mưu tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; Công an tỉnh trong công tác đảm bảo an ninh trật tự; UBND TP Thanh Hóa, UBND TX Sầm Sơn và UBND các huyện: Tĩnh Gia, Yên Định, Hậu Lộc trong công tác bồi thường GPMB thực hiện dự án.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Việc chuẩn bị các nội dung trong Chương trình công tác của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ở một số sở, ngành, địa phương chưa đảm bảo thời gian quy định, gồm các đề án: quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc các sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Một số đề án phải trình nhiều lần như: chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp và thương mại; chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Việc thực hiện một số nhiệm vụ nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc được

đề ra trong Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 của một số ngành, địa phương chưa đảm bảo thời gian và chất lượng, như: quy định về tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức không qua thi tuyển; quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi, giám sát kỳ thi tuyển công chức ngạch chuyên viên; quy chế thi tuyển công chức cấp xã; triển khai phần mềm quản lý cán bộ, công chức; quy định trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện, xã, chủ đầu tư và Giám đốc các sở, ban, ngành liên quan trong việc thực hiện GPMB; cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tham mưu thành lập Bệnh viện Ung Bướu, Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình; xúc tiến sáp nhập Bệnh viện phổi với Bệnh viện 71 Trung ương.

3. Việc tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số địa phương chưa kịp thời và rõ ràng; giải quyết các kiến nghị, bức xúc của người dân chưa thực sự chủ động, thiếu chặt chẽ, sâu sát, dẫn đến tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp; định hướng dư luận, việc kiểm tra, xác minh để giải quyết một số vụ việc báo chí nêu chưa kịp thời.

4. Chỉ đạo, điều hành trên một số lĩnh vực tuy quyết liệt nhưng hiệu quả chưa cao như: tiến độ thực hiện dự án đầu tư trực tiếp; khai thác, tập kết tài nguyên khoáng sản trái phép; khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, bãi chứa rác thải tập trung; thu nợ BHXH bắt buộc; lạm thu ở một số trường học; người dân xuất cảnh ra nước ngoài làm thuê; kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với trung bình của cả nước.

5. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số ngành, địa phương chưa nghiêm; chưa chủ động trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; việc bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động ở một số nơi chưa đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh; một số ngành, địa phương, đơn vị còn vi phạm các quy định của pháp luật và chưa thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Một số sở, ngành, địa phương thực hiện chưa tốt chức năng quản lý nhà nước và chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND trên một số lĩnh vực; một số chủ đầu tư chưa tập trung chỉ đạo, đôn đốc, nên tiến độ thực hiện và giải ngân của một số công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công còn chậm; một số sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao có tỷ lệ công việc hoàn thành đúng hạn thấp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu và thuộc trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu các ngành, các cấp.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

Năm 2017, tình hình thế giới và trong nước có những thuận lợi cơ bản: kinh tế thế giới phục hồi và tăng trưởng cao hơn năm 2016¹⁴; trong nước, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; những nỗ lực, quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng Nhà nước kiến tạo, liêm chính, hành động, thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế; tỉnh ta có những thuận lợi riêng, đó là: các định hướng lớn, các chương trình trọng tâm, khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đã được cụ thể hóa thành các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch hành động, chương trình, đề án và các cơ chế, chính sách; nhiều dự án trọng điểm, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội đã và đang được thực hiện, là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và mở ra cơ hội thu hút đầu tư vào tỉnh.

Tuy nhiên, năm 2017 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do xung đột chính trị, tranh chấp lãnh thổ tiếp tục diễn ra ở nhiều quốc gia, khu vực. kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro với những diễn biến khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ, giá dầu thô; ở trong nước còn hạn chế, bất cập về thể chế kinh tế thị trường, mô hình và chất lượng tăng trưởng, chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống kết cấu hạ tầng; bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông tiềm ẩn phức tạp; một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức; ở trong tỉnh, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế còn thấp; chất lượng, cơ cấu nguồn nhân lực còn hạn chế, bất cập; dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn có khả năng hoàn thành đi vào hoạt động thương mại chậm hơn so với kế hoạch ban đầu; thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra, là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2017

1. Mục tiêu chủ yếu

Năm 2017, cùng với việc triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương trên địa bàn, các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh trong cả giai đoạn 2016 - 2020, tập trung nỗ lực cao nhất cho 05 mục tiêu chủ yếu, gồm:

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khởi công các dự án nhằm tạo đà cho tăng trưởng các năm tiếp theo và đảm bảo hoàn thành mục tiêu của cả giai đoạn.
- Phát triển mạnh doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng.
- Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.
- Thực hiện tốt các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp đột phá trong công tác giảm nghèo.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp.

¹⁴ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2017 ở mức 3,5% (năm 2016 là 3,2%).

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 12% trở lên, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 2,4%; công nghiệp - xây dựng tăng 18,3%; dịch vụ tăng 9,1%; thuế sản phẩm tăng 8,0%.

- GRDP bình quân đầu người đạt 1.750 USD.

- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP: ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 15,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 42,7%, dịch vụ chiếm 38,1%; thuế sản phẩm chiếm 4,1%.

- Sản lượng lương thực giữ ở mức 1,6 triệu tấn.

- Tổng giá trị xuất khẩu đạt 1.850 triệu USD.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển đạt 106.000 tỷ đồng.

- Tổng thu NSNN đạt 13.512 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 9.312 tỷ đồng.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 35,4%.

- Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm đạt 3.000 doanh nghiệp.

b) Về xã hội

- Tốc độ tăng dân số dưới 0,65%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 42,5%.

- Số bác sỹ/vạn dân đạt 8,5.

- Số giường bệnh/vạn dân đạt 26,1.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 65%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân đạt 82,3%.

- Giải quyết việc làm cho 65.500 lao động (xuất khẩu 10.000 lao động).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 61%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 22% trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2,5% trở lên (theo chuẩn mới).

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 59,7%.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,03%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 89%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 92%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 70%.

- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 96%.

d) Về an ninh trật tự

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 70%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển; đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

1.1. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và Chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; đẩy mạnh đổi mới, dồn thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, lấy doanh nghiệp làm trung tâm để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đưa cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân đổi mới phương thức canh tác theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến; mở rộng vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao lên 138 nghìn ha¹⁵; chuyển đổi diện tích một số cây trồng kém hiệu quả (lúa, mía, sắn) sang trồng các cây có hiệu quả và giá trị kinh tế cao hơn, từng bước thực hiện mục tiêu giữ ổn định sản lượng lương thực 1,5 triệu tấn/năm. Tiếp tục phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, an toàn.

Đẩy mạnh tái cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng ưu tiên phát triển các con nuôi có lợi thế của từng vùng, địa phương gắn với nhu cầu thị trường. Khuyến khích chuyển từ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, nuôi công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm môi trường. Tăng cường phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; quản lý, giám sát chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; xử nghiêm các đối tượng sản xuất, kinh doanh, sử dụng chất cấm. Tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển chăn nuôi, nhất là các dự án do Vinamilk, TH True Milk, tập đoàn FLC đầu tư.

Hoàn thành rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; phân đầu trồng mới 10.000 ha rừng tập trung; khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả, cây lâm sản ngoài gỗ với trồng và khai thác rừng bền vững; tiếp tục phát triển vùng luồng thâm canh, vùng rừng nguyên liệu quy mô lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất lâm nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trồng rừng. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Đẩy mạnh phát triển thủy sản cả nuôi trồng, đánh bắt, gắn với chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá; ưu tiên các đối tượng nuôi chủ lực như: tôm chân trắng, tôm sú, ngao Bến Tre, cá rô phi. Tiếp tục tổ chức lại sản xuất trên biển, phát triển các mô hình tổ, đội, hợp tác xã; tháo gỡ khó khăn, thực hiện tốt các chính sách phát

¹⁵ Tính cả 2 vụ trong năm.

triển thủy sản nhằm hiện đại hóa tàu cá, nâng cao năng lực khai thác xa bờ; nâng cao năng lực của lực lượng kiểm ngư để giám sát, thực thi pháp luật trên biển và hỗ trợ ngư dân sản xuất, góp phần bảo vệ an ninh, chủ quyền biển đảo.

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch; đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh với nguồn đóng góp của nhân dân để đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu tại các xã, thôn, bản; phân đấu năm 2017 có thêm 01 huyện, 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn và các KCN giai đoạn 2016 - 2020; huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đầu tư hoàn thiện từng phân khu; tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn theo kế hoạch; đồng thời tranh thủ sức lan tỏa của nhà máy lọc hóa dầu để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các KCN số 3, số 4 - KKT Nghi Sơn các dự án chế biến sản phẩm sau lọc hóa dầu, công nghiệp phụ trợ; thu hút các dự án công nghệ cao vào khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm, dự án dự kiến hoàn thành năm 2017 như: nhà máy sản xuất dầu ăn, thủy điện Trung Sơn, Bá Thước 1; hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà máy xi măng Công Thanh, Long Sơn, các nhà máy thủy điện, may mặc, giày da hoạt động ổn định, đạt công xuất thiết kế; phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư, hỗ trợ hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục, đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện thuộc trách nhiệm của tỉnh về mặt bằng, cấp điện, cấp nước... để khởi công dự án nhiệt điện Nghi Sơn 2, khu liên hợp gang thép Nghi Sơn.

Tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát huy tối đa năng lực hiện có, đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh. Đặc biệt quan tâm đến các doanh nghiệp sản xuất có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh, như: xi măng, đường, bia, lọc dầu, điện sản xuất,...

Thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại đến năm 2021; tiếp tục phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn theo hướng chú trọng phát triển các ngành nghề đã có thương hiệu, thị trường tiêu thụ; quan tâm du nhập, nhân cấy một số nghề mới có điều kiện và tiềm năng phát triển.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu và phát triển ngành dịch vụ, trong đó tập trung phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao mà tỉnh có nhiều lợi thế như: du lịch, vận tải, thương mại, giáo dục, y tế chất lượng cao, viễn thông, công nghệ thông tin.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020; phát triển đa dạng sản phẩm du lịch, chú trọng phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch chất lượng cao; du lịch gắn với các di tích lịch sử, văn hóa. Phát triển mạnh các tour du lịch kết nối các trọng điểm du lịch của tỉnh như: Sầm Sơn, TP.

Thanh Hóa, Thành Nhà Hồ, Lam Kinh và các tỉnh trong cả nước. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch, từ đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý nhà hàng, khách sạn, hướng dẫn viên; trong đó phải đặc biệt coi trọng đào tạo, hướng dẫn về văn hóa giao tiếp, thái độ phục vụ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng phục vụ. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển du lịch, nhất là các dự án của tập đoàn Sun group, FLC.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương mại nội địa gắn với thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thực hiện các chương trình kích thích tiêu dùng nội địa, hỗ trợ doanh nghiệp đưa hàng về tiêu thụ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại.

Khai thác hiệu quả Cảng hàng không Thọ Xuân; khuyến khích, hỗ trợ các hãng hàng không nghiên cứu, mở mới các đường bay trong nước, trước mắt là Thanh Hóa - Quy Nhơn, Thanh Hóa - Đà Nẵng; đầu mối chặt chẽ với các cơ quan liên quan để đưa Cảng hàng không Thọ Xuân vào quy hoạch cảng hàng không quốc tế và nghiên cứu mở một số đường bay tới các quốc gia trong khu vực. Quan tâm phát triển các ngành dịch vụ phục vụ KKT Nghi Sơn.

1.4. Thực hiện tốt đề án phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; phát động phong trào khởi nghiệp trong nhân dân, khuyến khích chuyển đổi từ kinh doanh cá thể, hộ gia đình sang doanh nghiệp nhằm phát triển nhanh số lượng doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả “3 đồng hành và 5 hỗ trợ”¹⁶ đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước và sắp xếp, chuyển đổi chủ sở hữu doanh nghiệp theo lộ trình. Thường xuyên đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa; tạo thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh.

1.5. Các tổ chức tín dụng thực hiện tốt chính sách của Trung ương trên địa bàn; chấp hành nghiêm quy định về trần lãi suất huy động và cho vay; tăng cường huy động vốn, thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; điều chỉnh cơ cấu đầu tư tín dụng, mở rộng đầu tư tín dụng cho các chương trình, dự án thực hiện mục tiêu tái cơ cấu kinh tế; ưu tiên vốn vay đối với 5 lĩnh vực: nông nghiệp nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao.

¹⁶ “3 đồng hành” gồm: (1) đồng hành giải quyết nhanh thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính so với quy định của Trung ương; (2) đồng hành trong công tác GPMB; (3) đồng hành lắng nghe, tiếp thu, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

“5 hỗ trợ” gồm: (1) hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; (2) hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, (3) hỗ trợ tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận đất đai và các nguồn lực phục vụ sản xuất, kinh doanh; (4) hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm và (5) hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

2. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư nhằm huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện có hiệu quả Kết luận số 46-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện và nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có thứ hạng thấp, phấn đấu giữ các chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh của tỉnh đứng trong top 10 của cả nước. Nghiên cứu lựa chọn nhà thầu tư vấn nước ngoài có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện rà soát, cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040, đảm bảo chất lượng, làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung KKT Nghi Sơn, trên cơ sở đó cập nhật, điều chỉnh và xây dựng mới quy hoạch chi tiết các khu chức năng. Rà soát, hoàn thiện quy định về trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hướng minh bạch, tạo thuận lợi hơn nữa cho nhà đầu tư. Rà soát, điều chỉnh lại giá thuê đất, tạo sự hấp dẫn để thu hút đầu tư; giải quyết hài hoà lợi ích của người dân, doanh nghiệp và nhà nước trong việc thu hồi đất để thực hiện dự án.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020 cho phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh và định hướng của nhà đầu tư, nhà tài trợ; tiếp tục đổi mới cả về nội dung và hình thức xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch theo hướng cụ thể, chi tiết từng dự án, từng nhà đầu tư. Cùng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức kinh tế, tài chính, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư vào tỉnh; rà soát và triển khai thực hiện tốt các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với TP. Seongnam (Hàn Quốc), tỉnh Mittelsachsen (CHLB Đức), tỉnh Hủa Phăn (Lào); đồng thời, nghiên cứu để ký kết hợp tác với một số tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh sau khi dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động.

Đẩy mạnh việc huy động, kết hợp đa dạng các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nhằm tạo ưu thế, thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện hiệu quả kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện khâu đột phá về phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020; chú trọng huy động nguồn vốn xã hội hóa và đầu tư theo hình thức đối tác công tư; ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, hạ tầng các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, các công trình hạ tầng đèn hàng rào các dự án đầu tư quy mô lớn, các công trình, dự án hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất kinh doanh, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội ở các huyện nghèo, vùng sâu, vùng xa.

Các ngành Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư xây dựng đề án huy động vốn từ quỹ đất; đồng thời, rà soát đánh giá lại các dự án đầu tư giá đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất để làm rõ hiệu quả thực hiện trong thời gian qua. Xây dựng đề án thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là công tác bồi thường GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án trọng điểm như: đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đường vành đai phía Tây TP. Thanh Hóa (GD 1), các dự án hạ tầng trong KKT Nghi Sơn, KCN Lam Sơn - Sao Vàng; chuẩn bị tốt các điều kiện về hồ sơ, thủ tục, mặt bằng để sớm khởi công dự án đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa, đường bộ ven biển đoạn từ Đại lộ Nam sông Mã (TX. Sầm Sơn) đến cầu Ghép (huyện Quảng Xương).

3. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; thực hiện tốt công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

3.1. Thực hiện tốt Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện khâu đột phá về nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và phục vụ đời sống; khuyến khích nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học công nghệ.

3.2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng phát triển toàn diện năng lực, thể chất, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; khắc phục chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng miền; rà soát, sắp xếp mạng lưới các trường tiểu học, THCS, THPT theo quy hoạch; đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở nội trú cho học sinh các trường phổ thông ở các huyện miền núi. Quản lý chặt chẽ hoạt động liên kết đào tạo, dạy thêm, học thêm và công tác tuyển dụng, chuyển chuyển, điều động, bổ nhiệm giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; không để xảy ra lạm thu đầu năm học; giải quyết dứt điểm tình trạng thừa thiếu giáo viên. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020.

3.3. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật cao trong khám và điều trị tại các bệnh viện tuyến tỉnh, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu cho các bệnh viện tuyến dưới; mở rộng điều trị ngoại trú để giảm quá tải cho bệnh viện; hình thành và phát triển mô hình bác sỹ gia đình. Kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng lạm dụng bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác y tế dự phòng, không để xảy ra dịch lớn; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư bệnh viện công; đưa vào hoạt động Khoa quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh; khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập và đầu tư theo hình thức đối tác công tư; kêu gọi đầu tư bệnh viện chất lượng cao trong KKT Nghi Sơn. Nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh phát triển y tế toàn dân.

3.4. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời

sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả đề án phát huy các giá trị truyền thống của con người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phấn đấu tỷ lệ thôn, làng, bản, cơ quan, đơn vị được công nhận kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt 2%. Huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa để bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử, văn hóa có giá trị gắn với phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí. Duy trì và phát triển thể dục thể thao quần chúng; tiếp tục quan tâm phát triển thể thao thành tích cao; chuẩn bị tốt các điều kiện để các vận động viên của tỉnh tham dự Seagame 29 đạt kết quả cao nhất.

3.5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới từ 2,5% trở lên. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, BHXH, bảo hiểm thất nghiệp và chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và cải thiện môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; hoàn thành rà soát, cập nhật quy hoạch sử dụng đất các cấp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện GPMB phục vụ thi công các công trình, dự án; quy định rõ trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện, xã, chủ đầu tư và Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan trong công tác GPMB. Tiếp tục rà soát các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án và các dự án khai thác, chế biến khoáng sản; kiên quyết thu hồi các dự án vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai, khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý triệt để tình trạng khai thác cát trái phép.

Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; quản lý chặt chẽ nguồn gây ô nhiễm, đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, đô thị, bãi chứa rác thải tập trung; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, cảnh báo, bảo vệ môi trường biển, môi trường tại các lưu vực sông. Khuyến khích, hỗ trợ đầu tư các dự án bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý, tái chế rác thải; thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; lồng ghép các nội dung về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai vào kế hoạch phát triển các ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện; từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống cảnh báo thiên tai, bão lũ, triều cường tại các khu vực có nguy cơ cao; tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai.

5. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ an toàn tuyệt đối trong các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh; thực hiện tốt kế hoạch tuyển quân, diễn tập khu vực phòng thủ và công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, hậu cần, kỹ thuật cho các đối tượng. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các đề án của tỉnh về đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an ninh biên giới; giải quyết tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trong giai đoạn 2016 - 2020.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm chế, không để tội phạm gia tăng. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc về an ninh trật tự, như: hoạt động tôn giáo trái phép, di cư tự do, buôn bán ma túy, lao động người nước ngoài không đăng ký, người dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông; giải quyết triệt để tình trạng phương tiện vận tải chở vượt quá tải trọng cho phép. Khẩn trương hoàn thiện đề án phòng ngừa, xử lý đình công, biểu tình trái pháp luật, phá rối an ninh trật tự của công nhân trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 để tổ chức thực hiện.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí

Khẩn trương kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các sở, ban, ngành cho phù hợp với quy định của Trung ương gắn với thực hiện tốt Kế hoạch số 14-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ban hành mới quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước và phê duyệt đề án vị trí việc làm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để triển khai thực hiện. Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém đã đề cập ở trên, tạo chuyển biến thật sự rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2017.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực; tăng cường thanh tra, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh gắn với xử lý trách nhiệm của người đứng đầu nếu việc tham mưu, đề xuất, xử lý công việc chậm, kém chất lượng và sai quy định. Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, làm cơ sở xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ, công chức. Tiếp tục quản lý chặt chẽ công tác tuyển dụng, tiếp nhận, hợp đồng lao động và bổ nhiệm cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước; thực hiện tốt lộ trình tinh giản biên chế.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; tập trung cải cách thủ tục hành chính theo

hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, rõ trách nhiệm, đúng quy định của pháp luật; công khai, minh bạch thông tin về hồ sơ, thủ tục, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 30% so với quy định hiện nay; xúc tiến thành lập Trung tâm hành chính công tỉnh Thanh Hóa.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật; xây dựng và triển khai thực hiện chương trình công tác thanh tra, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, không chồng chéo; nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác tiếp dân; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các đơn thư, khiếu nại, tố cáo; rà soát toàn bộ các khoản đóng góp của người dân, kiên quyết bãi bỏ các khoản thu trái quy định của Nhà nước; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp./.

Nơi nhận:

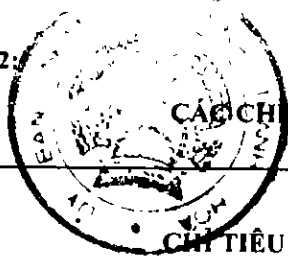
- VP Chính phủ, VPQH, VPCTN;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc; BTL Quân khu 4;
- Đoàn ĐBQH Thanh Hóa;
- Các ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



The image shows a circular official stamp of the Provincial People's Committee (UBND Tỉnh) with a handwritten signature across it. Below the stamp, the name of the signatory is printed.

Nguyễn Đình Xứng

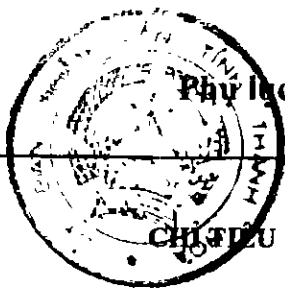


CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020
			Kế hoạch	Ước TH cả năm		
A	B	C	1	2	3	4
I	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh năm 2010)	%	9,0	9,05	12% trở lên	12% (bình quân 5 năm)
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	18,0	16,6	15,1	12,0
	- Công nghiệp và xây dựng	%	39,4	40,5	42,7	53,7
	- Dịch vụ	%	38,2	38,5	38,1	34,3
	- Thuế sản phẩm*	%	4,4	4,4	4,1	
3	GRDP bình quân đầu người	USD	1.630	1.620	1.750	3.600 (năm 2020)
4	Tổng sản lượng lương thực	Triệu tấn	1,67	1,726	1,60	1,5/năm
5	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.620	1.737	1.850	2.000 (năm 2020)
6	Tổng huy động vốn đầu tư trên địa bàn	Tỷ đồng	125.000	125.100	106.000	610.000 (5 năm)
7	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	11.100	12.300	13.512	
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	26	22		35% (năm 2020)
9	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	26,2	27,6	35,4	50% (năm 2020)
10	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	8,0	8,0		bình quân 11%/năm
11	Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm	Doanh nghiệp	1.150	1.400	3.000	
II	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI					
1	Tốc độ tăng dân số	%	0,65	0,65	0,65	bình quân 0,65/năm
2	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	45	45,0	42,5	35-38 (năm 2020)
3	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ /10.000 dân	7,8	7,8	8,5	10 (năm 2020)
4	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh/10.000 dân	25,6	25,6	26,1	28,4
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	55	60	65	70% trở lên (năm 2020)
6	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế/tổng số dân	%	76	80	82,3	80% trở lên (năm 2020)
7	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	64.000	64.000	65.500	330.000 trở lên (5 năm)
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	58	58	61	70% trở lên (năm 2020)
	Trong đó, có văn bằng, chứng chỉ	%	21	21	22	25% trở lên (năm 2020)
9	Tỷ lệ hộ nghèo	%	11	11	8,5	Giảm 2,5% trở lên hàng năm (theo chuẩn mới)
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	55,3	56,2	59,7	70% trở lên (năm 2020)

A	B	C	1	2	3	4
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ che phủ rừng.	%	52,1	53	53,03	52,5 (năm 2020)
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	87	87	89	95% trở lên (năm 2020)
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	88	90	92	95% trở lên (năm 2020)
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	65	68	70	80% trở lên (năm 2020)
5	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	94	94	96	100% (năm 2020)
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ					
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70	70	70% hàng năm

Ghi chú: - * Cơ cấu thuế sản phẩm trong GRDP của Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đã được tính gộp vào 3 ngành còn lại.



Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số TT		Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)		
				Kế hoạch	Ước TH		Ước TH 2016/TH 2015	Ước TH 2016/KH 2016	KH 2017/Ước TH 2016
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
1	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ								
1	GRDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	74.119	80.830	80.827	90.503	109,05	100,00	112,0
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	13.308	13.531	13.643	13.971	102,52	100,83	102,4
	+ Nông nghiệp	"	10.826	10.901	10.956	11.034	101,20	100,51	100,7
	+ Lâm nghiệp	"	827	825	936	1.079	113,17	113,41	115,3
	+ Thủy sản	"	1.655	1.805	1.751	1.858	105,83	97,01	106,1
	- Công nghiệp và xây dựng	"	31.669	35.547	35.457	41.957	111,96	99,75	118,3
	+ Công nghiệp	"	19.251	20.835	21.038	25.715	109,29	100,98	122,2
	+ Xây dựng	"	12.419	14.712	14.419	16.242	116,11	98,01	112,6
	- Dịch vụ	"	25.570	27.766	27.827	30.365	108,83	100,22	109,1
	- Thuế sản phẩm	"	3.573	3.986	3.900	4.210	109,16	97,84	108,0
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	112.658	128.624	125.833	141.872			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	20.150	23.073	20.873	21.405			
	- Công nghiệp và xây dựng	"	44.218	50.905	51.146	60.640			
	- Dịch vụ	"	43.320	49.113	48.452	54.023			
	- Thuế sản phẩm	"	4.970	5.533	5.362	5.804			
3	Cơ cấu các ngành kinh tế (theo GRDP giá hiện hành)	%	100,0	101,0	100,0	100,0			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	17,9	17,9	16,6	15,1			
	- Công nghiệp và xây dựng	"	39,2	39,6	40,6	42,7			
	- Dịch vụ	"	38,5	38,2	38,5	38,1			
	- Thuế sản phẩm	"	4,4	4,3	4,3	4,1			
4	GRDP bình quân đầu người	USD	1.520	1.630	1.620	1.750			
5	Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	158.811	172.846	175.374	200.481	110,4	101,5	114,3
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	25.196	25.908	25.968	26.719	103,1	100,2	102,9
	+ Nông nghiệp	"	19.436	19.609	19.748	19.955	101,61	100,71	101,0
	+ Lâm nghiệp	"	1.350	1.331	1.534	1.781	113,63	115,28	116,1
	+ Thủy sản	"	4.410	4.968	4.686	4.983	106,25	94,32	106,3
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	94.540	104.839	106.541	126.851	112,7	101,6	119,1
	+ Công nghiệp	"	57.840	62.475	63.590	78.245	109,94	101,78	123,0

A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
	+ Xây dựng	"	36.700	42.364	42.952	48.606	117,03	101,39	113,2
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	39.075	42.099	42.865	46.911	109,70	101,82	109,4
6	Tổng sản lượng lương thực	Triệu tấn	1,72	1,67	1,726	1,60	100,35	103,35	92,7
7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	61.630	69.000	71.485	82.000	115,99	103,6	114,7
8	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.549,5	1.620	1.737	1.850,00	112,10	107,2	106,5
9	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	10.900	11.100	12.300	13.512	112,84	110,8	109,9
10	Tổng huy động vốn đầu tư trên địa bàn	Tỷ đồng	112.730	125.000	125.100	106.000	110,97	100,1	84,7
11	Tỷ lệ đô thị hóa	%	20,0	26,0	22,4	24,0	112,00	86,2	107,1
12	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	19,7	26,2	27,6	35,4	140,10	105,3	128,3
13	Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm	Doanh nghiệp		1.150	1.400	3.000		121,7	214,3
II	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI								
1	Tốc độ tăng dân số	%	0,65	0,65	0,65	0,65			
2	Số lao động được tạo việc làm trong năm	Người	63.000	64.000	64.000	65.500			
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	55	58	58	61			
	Trong đó có văn bằng chứng chỉ	%	20	21	21	22			
4	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	47,9	45	45	42,5			
5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020)	%	13,51	Giảm từ 2,5% trở lên	11	8,5			
6	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	45,1	55,0	60,0	65,0			
7	Số bác sỹ/l vạn dân	Bác sỹ	7,6	7,8	7,8	8,5			
8	Số giường bệnh/l vạn dân	Giường	23,9	25,6	25,6	26,1			
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	75,0	76,0	80,0	82,3			
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	53,1	55,3	56,2	59,7			
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	52,80	52,10	53	53,03			
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	60	65	68	70			
3	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	92	94	94	96			
4	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	85,7	87	87	89			
5	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	88,6	90,0	90	92			
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ								
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%		70,0	70,0	70,0			

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2016
ĐƯỢC ĐỀ RA TRONG NGHỊ QUYẾT 145/2015/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH

Ngày 11/12/2015, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa, trong đó xác định một số nhiệm vụ chủ yếu trong từ năm kế hoạch. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ năm 2016 cụ thể như sau:

1. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án có sử dụng đất; đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và kiên quyết thu hồi, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, đơn vị vi phạm quy định, chậm trễ trong việc tổ chức thực hiện dự án

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát tình hình thực hiện các dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất và các dự án đã được chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư từ 01/6/2010 đến 30/6/2016, và đã có Báo cáo số 3257/SKHĐT-KTĐN báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh, trong đó đã đề xuất, các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đồng thời thu hồi/chấm dứt hoạt động các dự án đã hết thời gian theo quy định nhưng không thực hiện, hoặc đang thực hiện nhưng có tiến độ thực hiện chậm trễ, kéo dài.

2. Đề án phát triển doanh nghiệp và xây dựng đội ngũ doanh nhân đến năm 2020

Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 6.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và đảm bảo vệ sinh ATTP

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, trong đó đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân công cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

4. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; hoàn chỉnh và trình duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 21/9/2016 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng từ nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh; văn bản số 10857/UBND-THKH ngày 22/9/2016 về việc

chủ trương đầu tư và lập, trình duyệt dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh; văn bản số 7872/UBND-THKH ngày 21/7/2016 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2016; qua đó, tăng cường quản lý, chấn chỉnh việc thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, chủ đầu tư trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, dự án đầu tư và trong quá trình thực hiện dự án.

- Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020: trên cơ sở các thông báo và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, dự kiến báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2016.

5. Tăng cường chỉ đạo giải quyết có kết quả tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là những khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, kéo dài

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; UBND tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch hành động số 135/KH-UBND ngày 15/9/2016 thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- UBND tỉnh cũng đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị khắc phục hậu quả tình trạng cá chết trên sông Bưởi, huyện Thạch Thành và trên sông Bạng, huyện Tĩnh Gia; chỉ đạo kiểm tra giải quyết kiến nghị của cử tri, người dân về tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu vực, tình trạng xả thải trái quy định của các doanh nghiệp; chỉ đạo kiểm tra tình trạng xử lý nước thải tại các bệnh viện trên địa bàn TP. Thanh Hóa; rà soát tình hình thực hiện đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tăng cường năng lực quản lý, khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả đầu tư; đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn (TMĐ I 647 tỷ đồng).

6. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị vi phạm để tạo chuyển biến từ đầu nhiệm kỳ; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện chủ trương nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-UBND ngày 30/9/2016 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các ngành, các cấp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện phê bình nghiêm khắc đối với tập thể, các cá nhân vi phạm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và giải quyết công việc cho tổ chức, công dân; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại

mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố, làm căn cứ cho các đơn vị triển khai thực hiện và là cơ sở để đánh giá việc thực hiện của các đơn vị.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị thực hiện rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị, nhất là trong ngành giáo dục theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

7. Lập, trình duyệt quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn; tập trung hoàn thiện hạ tầng du lịch Sầm Sơn

- Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN đã hoàn thành việc lập nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn theo quy mô mở rộng (106.000 ha), trình Thủ tướng Chính phủ; hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đang giao Bộ Xây dựng thẩm định. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN sẽ tiến hành các bước tiếp theo để lập Quy hoạch chung xây dựng của KKT Nghi Sơn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tập trung đầu tư hạ tầng du lịch Sầm Sơn: năm 2016, hạ tầng du lịch Sầm Sơn được Nhà nước và các doanh nghiệp tập trung đầu tư; nhiều dự án quan trọng đã hoàn thành, đưa vào sử dụng như: cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, đường Trần Nhân Tông, không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, Đại lộ Nam sông Mã (giai đoạn 1),.. và các dự án đầu tư khách sạn, khu du lịch, nghỉ dưỡng, đã góp phần làm thay đổi diện mạo du lịch của tỉnh Thanh Hóa nói chung và TX. Sầm Sơn nói riêng.

8. Khởi công, hoàn thành một số công trình, dự án quan trọng

- Khởi công

+ Đã khởi công một số công trình lớn, quan trọng nằm trong kế hoạch, gồm: xi măng Long Sơn (giai đoạn 2); hệ thống cấp nước KKT Nghi Sơn; nâng cấp, mở rộng đường 513 - KKT Nghi Sơn; Trung tâm thương mại Vincom và Trụ sở làm việc Thành ủy - HĐND - UBND TP. Thanh Hóa; dự án bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Phủ Trịnh.

+ Các công trình, dự án trong kế hoạch nhưng chưa khởi công, gồm: nhiệt điện Nghi Sơn 2; hạ tầng KCN số 3 - KKT Nghi Sơn; khu liên hợp gang thép Nghi Sơn; các dự án đầu tư vào nông nghiệp của các tập đoàn Vingroup, FLC; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 45, quốc lộ 47; Bệnh viện Ung bướu.

- Hoàn thành

+ Đã hoàn thành một số công trình, dự án trong kế hoạch, gồm: xi măng Long Sơn (giai đoạn 1); thủy điện Bá Thước 1; các nhà máy giầy, may mặc trên địa bàn các huyện: Thạch Thành, Triệu Sơn, Đông Sơn; Đại lộ Nam sông Mã (giai đoạn 1); không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, TX. Sầm Sơn.

+ Các công trình dự án nằm trong kế hoạch nhưng chưa hoàn thành, gồm: thủy điện Trung Sơn; nhà máy sản xuất dầu ăn và các sản phẩm chiết suất từ dầu ăn; đường nối các huyện ở Tây Thanh Hóa, đường Hồi Xuân - Tén Tàn./.

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2016

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 02

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Sau khi xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

Năm 2016, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Trung ương, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2016 của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực: kinh tế tăng trưởng khá cao, tất cả các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước, huy động vốn cho đầu tư phát triển đều đạt và vượt kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ; các lĩnh vực văn hóa, xã hội có chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được quan tâm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; chính trị xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đã tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Trong đó, nổi bật là 6 vấn đề lớn sau: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,05%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra và là mức tăng cao trong điều kiện có nhiều khó khăn; (2) Đã khởi công và hoàn thành đưa vào sử dụng một số dự án lớn, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (3) Ngành du lịch có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng cao hơn 2,3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế, giá trị tăng thêm đạt 21,2%; hình ảnh du lịch Thanh Hóa có vị thế trên bản đồ du lịch của cả

nước; (4) Giáo dục mũi nhọn đạt thành tích tốt nhất trong nhiều năm gần đây; thể thao thành tích cao tiếp tục giữ vững vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước; (5) Chính trị ổn định; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội; (6) Đã hoàn chỉnh các thể chế mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra; ban hành các chương trình trọng tâm, các khâu đột phá, các cơ chế, chính sách lớn, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi để triển khai thực hiện. Trong số 26 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, có 24 chỉ tiêu được HĐND tỉnh quyết nghị hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra. Những kết quả trên là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2017.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục, đó là: chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, kết quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa cao; tiến độ thực hiện nhiều dự án sản xuất công nghiệp chậm, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách không đạt kế hoạch; công tác GPMB chưa đáp ứng được yêu cầu, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án; nhiều dự án đầu tư trực tiếp, dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư thực hiện chậm; nợ đọng xây dựng cơ bản ở cấp huyện, cấp xã còn cao và có chiều hướng gia tăng; một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết dứt điểm, như: tình trạng ô nhiễm môi trường, khai thác, tập kết tài nguyên, khoáng sản trái phép; tình trạng thừa, thiếu giáo viên, dạy thêm, học thêm trái quy định, lạm thu đầu năm học; doanh nghiệp nợ đóng bảo hiểm xã hội, bồi chi quỹ bảo hiểm y tế; tình trạng quá tải ở các bệnh viện công lập; người dân xuất cảnh trái phép ra nước ngoài làm thuê; tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội ở một số nơi còn diễn biến phức tạp.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2017

1. Mục tiêu

Năm 2017, cùng với việc triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương trên địa bàn, các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh trong cả giai đoạn 2016 - 2020, tập trung nỗ lực cao nhất cho 05 mục tiêu chủ yếu, gồm:

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khởi công nhiều dự án nhằm tạo đà cho tăng trưởng các năm tiếp theo và đảm bảo hoàn thành mục tiêu của cả giai đoạn.
- Phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng.
- Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tình trạng quá tải ở bệnh viện, công tác giải phóng mặt bằng.
- Triển khai thực hiện tốt các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp đột phá trong công tác giảm nghèo.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 12% trở lên,

trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 2,4%; công nghiệp - xây dựng tăng 18,3%; dịch vụ tăng 9,1%; thuế sản phẩm tăng 8,0%.

- GRDP bình quân đầu người đạt 1.750 USD.

- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP: ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 15,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 42,7%, dịch vụ chiếm 38,1%; thuế sản phẩm chiếm 4,1%.

- Sản lượng lương thực giữ ở mức 1,6 triệu tấn.

- Tổng giá trị xuất khẩu đạt 1.850 triệu USD.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển đạt 106.000 tỷ đồng.

- Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm đạt 3.000 doanh nghiệp.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 13.522 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 9.322 tỷ đồng.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 35,4%.

b) Về xã hội

- Tốc độ tăng dân số dưới 0,65%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 42,5%.

- Số bác sỹ/vạn dân đạt 8,5.

- Số giường bệnh/vạn dân đạt 26,1.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 65%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân đạt 82,3%.

- Giải quyết việc làm cho 65.500 lao động (xuất khẩu 10.000 lao động).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 61%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 22% trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2,5% trở lên (theo chuẩn mới).

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 59,7%.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,03%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 89%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 92%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 70%.

- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 96%.

d) Về an ninh trật tự

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 70%.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển gắn với đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh đổi mới, dồn thửa, chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang sản xuất theo hộ gia đình liên kết, hình thành cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, chuyển diện tích trồng lúa, mía, sản kém hiệu quả sang các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Mở rộng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, an toàn. Đẩy mạnh tái cơ cấu đàn vật nuôi, ưu tiên phát triển các con nuôi có lợi thế của từng vùng, địa phương gắn với nhu cầu thị trường; tăng cường phòng chống dịch bệnh, quản lý chặt chẽ thức ăn chăn nuôi, xử lý nghiêm các đối tượng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, phân đấu trồng mới 10.000 ha rừng tập trung; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Đẩy mạnh phát triển thủy sản cả nuôi trồng, đánh bắt gắn với chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch; phân đấu năm 2017 có thêm 01 huyện, 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1.2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát huy tối đa năng lực hiện có, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh; triển khai thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại; phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn. Đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế, các khu công nghiệp và khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư để hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và các điều kiện để khởi công dự án nhiệt điện Nghi Sơn 2, khu liên hợp gang thép Nghi Sơn.

1.3. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu và phát triển ngành dịch vụ, trong đó tập trung phát triển nhanh các dịch vụ có giá trị gia tăng cao mà tỉnh có lợi thế như: du lịch, vận tải, thương mại, giáo dục, y tế chất lượng cao, viễn thông, công nghệ thông tin và các ngành dịch vụ phục vụ KKT Nghi Sơn. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Ưu tiên đầu tư hoàn thành một số di tích lịch sử cách mạng, các công trình hạ tầng thiết yếu ở các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh phục vụ cho phát triển du lịch. Tạo thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển du lịch, nhất là các dự án của tập đoàn Sun group, FLC. Khuyến khích các hãng hàng không mở mới các đường bay trong nước; đấu nối chặt chẽ với các cơ quan chức năng để đưa Cảng hàng không Thọ Xuân vào quy hoạch cảng hàng không quốc tế và nghiên cứu mở một số đường bay tới các quốc gia trong khu vực.

1.4. Thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; khuyến khích và khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả “3 đồng hành và 5 hỗ trợ” đối với

doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, chú ý đến hỗ trợ, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Tiếp tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước và sắp xếp, chuyển đổi chủ sở hữu doanh nghiệp theo lộ trình. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện có hiệu quả Kết luận số 46-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện và nâng cao chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu giữ chỉ số PCI của tỉnh trong top 10 cả nước. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch, trọng tâm là Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Quy hoạch các ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, Quy hoạch chung mở rộng và quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các quy hoạch có tầm nhìn chiến lược, lâu dài, khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của từng vùng, địa phương và phù hợp với nhu cầu thị trường. Rà soát, hoàn thiện các quy định về trình tự chấp thuận chủ trương đầu tư, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hướng minh bạch, tạo thuận lợi hơn nữa cho nhà đầu tư.

Thực hiện tốt Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020. Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, chú trọng đến nguồn xã hội hóa và nguồn đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Rà soát danh mục các dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020 cho phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh và định hướng của nhà đầu tư, nhà tài trợ. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, đại sứ quán các nước, các tổ chức kinh tế, tài chính, các tập đoàn lớn trong và ngoài nước để tổ chức các hội nghị xúc tiến kêu gọi thu hút đầu tư.

Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; rà soát, hoàn thiện thể chế về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo hướng quy định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở trong công tác giải phóng mặt bằng; có chế tài cụ thể để xử lý nghiêm vi phạm, chậm trễ trong công tác giải phóng mặt bằng, chấm dứt tình trạng dự án chậm tiến độ do không có mặt bằng thi công. Đôn đốc nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc thiết bị để thi công công trình, đảm bảo tiến độ dự án theo đúng hợp đồng ký kết. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao

chất lượng các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội

3.1. Thực hiện tốt Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về khâu đột phá nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và phục vụ đời sống; tăng cường kiểm tra, giám sát việc nhập khâu máy móc, thiết bị khoa học công nghệ đưa vào tỉnh ta theo hướng lựa chọn công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

3.2. Thực hiện tốt Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì và nâng cao thành tích giáo dục mũi nhọn. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường học trên địa bàn tỉnh. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng giáo viên dôi dư; chấm dứt tình trạng lạm thu, thu các khoản không đúng quy định. Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học, xây dựng nhà ở nội trú cho học sinh các trường phổ thông tại miền núi.

3.3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật cao trong khám và điều trị tại các bệnh viện tuyến tỉnh, chuyển giao kỹ thuật điều trị chuyên sâu cho các bệnh viện tuyến dưới. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư bệnh viện công lập, khuyến khích phát triển các bệnh viện ngoài công lập. Tăng cường công tác y tế dự phòng, không để xảy ra dịch lớn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện BHYT toàn dân và thực hiện tốt kế hoạch khắc phục bội chi quỹ BHYT, không để tình trạng lạm dụng bảo hiểm y tế.

3.4. Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng, triển khai thực hiện đề án nâng cao hình ảnh con người Thanh Hoá trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế. Thực hiện hiệu quả việc phát huy các giá trị truyền thống của con người Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Duy trì và phát triển các hoạt động thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao; chuẩn bị tốt lực lượng vận động viên của tỉnh tham dự Seagame 29 đạt kết quả cao.

3.5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới từ 2,5% trở lên. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội và chế độ, chính sách đối với người có công. Tập trung khắc phục cơ bản tình trạng nợ đọng BHXH của người lao động. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, chế độ bảo hiểm và chấp hành các quy định về vệ sinh, an toàn lao động tại các doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4. Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành công tác lập quy hoạch sử dụng đất các cấp và kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện. Tiếp tục rà soát các dự án

được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, các dự án khai thác, chế biến khoáng sản, thực hiện quyết liệt việc thu hồi các dự án vi phạm pháp luật. Không cấp phép mới cho các dự án khoáng sản khai thác không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý triệt để tình trạng khai thác cát trái phép.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Quản lý chặt chẽ nguồn gây ô nhiễm, thực hiện quyết liệt các biện pháp để nhanh chóng khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các bãi chứa rác thải tập trung.... Thực hiện có hiệu quả cơ chế hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý, tái chế rác thải.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống cảnh báo thiên tai, bão lũ, triều cường tại các khu vực có nguy cơ cao; chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai.

5. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm chế, không để tội phạm gia tăng, nhất là tội phạm có tổ chức, sử dụng vũ khí nguy hiểm. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc về an ninh trật tự, hoạt động tôn giáo trái phép, di cư tự do, buôn bán ma túy, người dân xuất cảnh trái phép làm thuê. Thực hiện tốt các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm xe ô tô quá tải. Chủ động phòng ngừa, xử lý đình công, biểu tình trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự của công nhân trong các doanh nghiệp.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí

Khẩn trương kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các sở, ban, ngành, bảo đảm phù hợp với quy định của Trung ương. rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp theo hướng chính quyền phục vụ và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tổ chức sản xuất kinh doanh. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, gắn với xử lý trách nhiệm của người đứng đầu; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, dễ hiểu,

dễ làm, rõ trách nhiệm, đúng quy định của pháp luật; công khai, minh bạch thông tin về hồ sơ, thủ tục, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 30% so với quy định hiện nay. Tổ chức thành lập Trung tâm hành chính công tỉnh Thanh Hóa; xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính và đề cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ công chức; kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong thi hành công vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND, VPUBND tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: ~~420~~ /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5104/SKHĐT-TH ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định “*Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*”. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành “*Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*” là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

Dự thảo Nghị quyết đã thể hiện chi tiết các nội dung về: đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2016; Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017; Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các văn bản pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương.

3. Về kỹ thuật trình bày văn bản:

- Phần số, ký hiệu văn bản ghi: “Số: /2016/NQ-HĐND” là không phù hợp, bởi đây không phải là văn bản QPPL. Do vậy, đề nghị điều chỉnh lại thành: “Số: /NQ-HĐND” cho đúng.

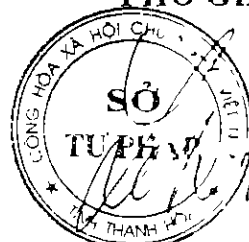
- Phần nơi nhận: Đề nghị bỏ Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ phụ trách;
- Lưu VT, XDVB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hữu Viên

Biểu số 2:

CÁC CHỈ TIÊU VỀ NÔNG, LÂM, NGU NGHIỆP NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh %		
				Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2016/TH 2015	Ước TH 2016/KH 2016	KH 2017/Ước TH 2016
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
I	TRỒNG TRỌT								
1	Tổng diện tích gieo trồng	1.000 ha	443,7	439,0	435,0	438,0	98,1	99,1	100,7
	- Vụ đông	"	50,05	51,0	49,1	50,0	98,1	96,3	101,9
	- Vụ chiêm xuân	"	220,0	217,0	216,2	217,0	98,3	99,6	100,4
	- Vụ thu mùa	"	173,6	171,0	169,7	171,0	97,8	99,2	100,8
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	1.000 tấn	1.720,9	1.674,4	1.726,2	1.600	100,3	103,1	92,7
	- Sản lượng lương thực vụ đông	"	99,9	105,75	93,8	94,0	93,9	88,7	100,2
	- Sản lượng lương thực vụ chiêm xuân	"	862,2	828,5	870,0	806,9	100,9	105,0	92,8
	- Sản lượng lương thực vụ mùa	"	758,8	740,2	762,4	699,1	100,5	103,0	91,7
3	Một số cây trồng chủ yếu								
a	Cây lương thực								
	- <i>Lúa cả năm</i>								
	+ Diện tích	1.000 ha	257,0	242,0	254,0	240,0	98,8	105,0	94,5
	+ Năng suất	Tạ/ha	57,4	58,1	58,8	58,1	102,4	101,2	98,8
	+ Sản lượng	1.000 tấn	1.475,3	1.405,5	1.493,2	1.394,2	101,2	106,2	93,4
	- <i>Ngô</i>								
	+ Diện tích	1.000 ha	56,8	60,0	52,9	56,0	93,2	88,2	105,8
	+ Năng suất	Tạ/ha	43,2	44,8	44,0	44,6	101,9	98,2	101,3
	+ Sản lượng	1.000 tấn	245,5	269,0	233,0	249,7	94,9	86,6	107,1
b	Cây có củ								
	- <i>Khoai lang</i>	1.000 ha	8,3	9,5	7,4	9,5	89,0	78,2	127,9
	+ Năng suất	Tạ/ha	69,9	71,0	71,0	71,0	101,6	100,0	100,0
	+ Sản lượng	1.000 tấn	58,3	67,5	52,7	67,5	90,4	78,2	127,9
	- <i>Sắn</i>	1.000 ha	17,8	14,5	18,0	14,0	101,6	124,5	77,6
	+ Năng suất	Tạ/ha	148,2	155,0	155,0	165,0	104,6	100,0	106,5
	+ Sản lượng	1.000 tấn	263,3	224,75	279,7	231,0	106,2	124,5	82,6
c	Rau đậu các loại								
	- <i>Rau</i>	1.000 ha	35,3	36,0	35,5	38,0	100,5	98,5	107,1
	+ Năng suất	Tạ/ha	124,2	123,0	124,0	125,0	99,8	100,8	100,8
	+ Sản lượng	1.000 tấn	438,3	442,8	439,8	475,0	100,3	99,3	108,0
	- <i>Đậu các loại</i>	1.000 ha	3,1	3,5	2,9	3,5	91,8	82,4	121,4
	+ Năng suất	Tạ/ha	11,9	12,0	12,0	12,0	100,8	100,0	100,0
	+ Sản lượng	1.000 tấn	3,7	4,2	3,5	4,2	93,5	82,4	121,4
d	Cây công nghiệp hàng năm								
	- <i>Lạc</i>	1.000 ha	12,8	11,7	12,0	11,5	93,4	102,3	96,0
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,4	18,9	20,9	19,6	113,6	110,3	93,8
	+ Sản lượng	1.000 tấn	23,6	22,2	25,0	22,5	106,0	112,9	90,1
	- <i>Đậu tương</i>	1.000 ha	4,1	4,9	3,6	5,0	89,2	74,4	137,2
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,4	15,7	15,5	16	100,6	98,7	103,2
	+ Sản lượng	1.000 tấn	6,3	7,7	5,6	8,0	89,7	73,4	141,6
	- <i>Cối</i>	1.000 ha	3,3	3,0	3,3	3,0	99,6	111,1	90,0
	+ Năng suất	Tạ/ha	72,3	71	74,9	72	103,6	105,5	96,1
	+ Sản lượng	1.000 tấn	24,2	21,3	25,0	21,6	103,2	117,2	86,5
	- <i>Mía</i>	1.000 ha	32,2	30,0	30,9	30,0	96,2	103,2	96,9
	+ Năng suất	Tạ/ha	579,7	629,5	590,6	660,7	101,9	93,8	111,9
	+ Sản lượng	1.000 tấn	1.863,8	1.888,5	1.827,6	1.982,1	98,1	96,8	108,5
đ	Cây lâu năm								
	- <i>Cao su</i>	1.000 ha	18,0	18,0	17,7	17,7	98,3	98,3	100,0
	+ Sản lượng mủ khô	1.000 tấn	4,7	4,0	4,0	4,0	85,1	100,0	100,0
II	CHĂN NUÔI								
1	Tổng đàn trâu	1.000 con	195,6	200	201,7	200	103,2	100,9	99,1
2	Tổng đàn bò	"	224,1	235	239,0	242	106,7	101,7	101,2

A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
	Trong đó. + Bò lai	"	134,4	145,7	142	146	105,7	97,5	102,8
	Tỷ trọng bò lai	%	60,0	62,0	59,4	60,3	99,0	95,8	101,6
	+ Bò sữa	Con	3.850,0	5.000	5.000	10.000	130	100	200
3	Tổng đàn lợn	1.000 con	883,0	1.000	945	1.050	107	95	111
	Trong đó +Đàn lợn hướng nạc	"	264,9	330,0	342,0	360,0	129,1	103,6	105,3
	Tỷ trọng lợn nạc	%	30,0	33,0	36,2	34,3	120,6	109,6	94,8
	+ Đàn nái ngoại	1.000 con	20,5	22	21	21	102,4	95,5	100
4	Đàn gia cầm	Triệu con	17,8	19,5	18,5	20,5	104,1	95,0	110,6
5	Đàn dê	Con	99.600	87.000	87.000	100.000	87	100	115
6	Thịt hơi các loại	1.000 tấn	214,6	230,0	220,0	225,0	102,5	95,7	102,3
7	Sản lượng trứng	1.000 quả	121.557	135.000	127.864	160.000	105	95	125
III	LÂM NGHIỆP								
I	Lâm sinh								
	- Diện tích bảo vệ rừng	Ha	587.010	578.733	588.215	589.215	100	102	100
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	7.605	7.605	7.605	5.806	100	100	76
	- Chăm sóc rừng trồng	"	46.840	44.200	44.200	42.560	94	100	96
	- Trồng rừng mới	"	12.694	10.000	10.500	10.000	83	105	95
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	52,8	52,1	52,92	53,03	100,2	101,6	100,2
2	Khai thác lâm sản								
	- Gỗ	M3	398.500	500.000	499.786	530.000	125	100	106
	- Tre luồng	Triệu cây	45,0	47	47,0	49	104,4	99,9	104,3
	- Nguyên liệu giấy	Tấn	69.980	71.000	71.000	72.000	101	100	101
IV	THỦY SẢN								
I	Sản lượng thủy sản	Tấn	143.405	150.300	151.340	157.400	106	101	104
	- Khai thác	Tấn	94.168	100.200	100.258	106.400	106	100	106
	- Nuôi trồng	"	49.237	50.100	51.082	51.000	104	102	100
	Trong đó + Nuôi nước mặn, lợ	"	22.300	22.300	22.879	22.400	103	103	98
	+ Nuôi nước ngọt	"	26.937	27.800	28.203	28.600	105	101	101
2	Diện tích nuôi trồng	Ha	18.400	18.900	18.900	19.000	103	100	101
	- Nuôi trong ao hồ	Ha	7.700	7.700	7.700	7.700	100	100	100
	- Nuôi nước ngọt	Ha	10.700	11.200	11.200	11.300	105	100	101

Biểu số 3:

CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh %		
				Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2016/TH 2015	Ước TH 2016/KH 2016	KH 2017/Ước TH 2016
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
1	- Xi măng các loại	1 000 tấn	7.961	9.500	8.845	10.500	111,1	93,1	118,7
2	- Clinker	1.000 tấn	1.355	2.500	3.481	3.000	256,9	139,2	86,2
3	- Đường kết tinh	1.000 tấn	146	195	169	185	115,8	86,7	109,4
4	- Bìa các loại	1.000 lít	65.115	77.500	67.990	68.000	104,4	87,7	100,0
5	- Thuốc lá bao	1.000 bao	116.105	105.000	131.700	135.000	113,4	125,4	102,5
6	- Thủy sản đông lạnh chế biến	Tấn	31.659	30.800	33.300	35.000	105,2	108,1	105,1
7	- Súc sản đông lạnh xuất khẩu	Tấn	2.035	2.500	2.380	2.500	117,0	95,2	105,0
8	- Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	55.760	62.000	65.500	70.000	117,5	105,6	106,9
9	- Quần áo may sẵn	1.000 cái	99.089	105.000	143.160	150.000	144,5	136,3	104,8
10	- Giấy, bìa các loại	Tấn	30.197	32.200	35.650	36.500	118,1	110,7	102,4
11	- Phân bón các loại	Tấn	216.259	236.580	242.810	245.000	112,3	102,6	100,9
12	- Gạch xây	Tr. viên	1.158	1.310	1.204	1.300	103,9	91,9	108,0
13	- Gạch lát nền ceramic	1.000 m2	5.824	5.800	6.500	6.800	111,6	112,1	104,6
14	- Đá khai thác	1.000 m3	14.388	14.000	15.900	16.500	110,5	113,6	103,8
15	- Đá ốp lát xây dựng	1.000 m2	16.389	16.000	16.800	18.000	102,5	105,0	107,1
16	- Cát xây dựng	1.000 m3	12.734	14.210	14.000	14.500	109,9	98,5	103,6
17	- Thức ăn gia súc	Tấn	216.200	227.500	222.500	235.000	102,9	97,8	105,6
18	- Bao bì PP các loại	1.000 bao	95.317	104.560	101.600	110.000	106,6	97,2	108,3
19	- Nước máy sản xuất	1.000 m3	31.431	36.150	36.400	45.000	115,8	100,7	123,6
20	- Tinh bột sắn	Tấn	44.009	44.000	49.000	52.000	111,3	111,4	106,1
21	- Sữa các loại	1.000 lít	12.052	12.830	12.500	14.500	103,7	97,4	116,0
22	- Ô tô tải các loại	Xe	3.255	3.500	4.372	5.000	134,3	124,9	114,4
23	- Điện thương phẩm	Tr.Kwh	3.152	3.525	3.378	3.700	107,2	95,8	109,5
24	- Điện sản xuất	Tr.Kwh	3.146	4.400	3.978	5.000	126,4	90,4	125,7
25	- Xăng các loại	1.000 tấn				500			
26	- Dầu Diesel các loại	1.000 tấn				625			
27	- Khí hóa lỏng	1.000 tấn				5,5			
28	- Polypropylen	1.000 tấn				60			
29	- Paraxilene	1.000 tấn				110			
30	- Benzen	1.000 tấn				40			
31	- Lưu huỳnh rắn	1.000 tấn				40			
32	- Dầu ăn	1.000 tấn				90			

Biểu số 4:

CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh %		
				Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2016/TH 2015	Ước TH 2016/KH 2016	KH 2017/Ước TH 2016
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	61.630	69.000	71.485	82.000	116,0	103,6	114,7
2	Xuất khẩu								
a	Tổng giá trị XK hàng hoá và dịch vụ	1.000 USD	1.549.538	1.620.000	1.736.990	1.850.000	112,1	107,2	106,5
	- Xuất khẩu hàng hóa	"	1.424.144	1.525.000	1.591.800	1.740.000	111,8	104,4	109,3
	+ Xuất khẩu chính ngạch	"	1.379.899	1.460.000	1.553.600	1.680.000	112,6	106,4	108,1
	+ Xuất khẩu tiểu ngạch và hàng phục vụ xuất khẩu.	"	44.245	65.000	38.200	60.000	86,3	58,8	157,1
	- Xuất khẩu dịch vụ	1.000 USD	103.301	95.000	109.590	110.000	106,1	115,4	100,4
b	Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu								
	+ Dưa chuột đóng hộp	Tấn	281	450	460	450	163,7	102,2	97,8
	+ Súc sản xuất khẩu	"	732	850	550	600	75,1	64,7	109,1
	+ Chà cá Surimi	"	2.710	3.000	3.020	1.750	111,4	100,7	57,9
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	108.574	105.000	131.800	150.000	121,4	125,5	113,8
	+ Tinh bột sắn	Tấn	30.274	22.500	38.100	35.000	125,9	169,3	91,9
	+ Giấy xuất khẩu	1.000 đôi	55.374	55.000	56.700	60.000	102,4	103,1	105,8
	+ Đá ốp lát các loại	1.000 m2	1.685	2.500	1.230	1.750	73,0	49,2	142,3
	+ Xi măng	Tấn	218.027	285.000	313.000	325.000	143,6	109,8	103,8
3	Nhập khẩu								
	- Tổng giá trị nhập khẩu	1.000 USD	2.586.280	1.150.000	1.054.400	1.250.000	40,8	91,7	118,6
	- Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu								
	+ Vải may mặc; phụ liệu hàng may mặc, giấy dếp.	1.000 USD	730.457	620.000	702.660	780.000	96,2	113,3	111,0
	+ Nguyên phụ liệu sản xuất tân được	"	7.674	6.500	7.650	7.500	99,7	117,7	98,0
	+ Máy móc, thiết bị, phụ tùng	"	1.891.717	485.000	247.030	285.000	13,1	50,9	115,4
4	Du lịch								
	- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.180	5.290	6.280	8.000	121,2	118,7	127,4
	- Tổng lượt khách	1.000 lượt	5.530	5.600	6.300	7.150	113,9	112,5	113,5
	Trong đó: khách quốc tế	"	127,0	130,0	150,5	182,0	118,5	115,8	120,9
5	Vận tải								
a	Vận tải hàng hoá								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	44.459	47.500	47.784	52.000	107,5	100,6	108,8
	- Khối lượng luân chuyển	1.000 T.km	2.605.185	2.850.000	2.718.600	2.950.000	104,4	95,4	108,5
b	Vận tải hành khách								
	- Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	31.047	38.000	37.310	40.000	120,2	98,2	107,2
	- Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	1.789.122	2.210.000	2.181.900	2.375.000	122,0	98,7	108,9
c	Hàng hoá thông qua cảng	1.000 tấn	5.736	6.756	6.354	10.000	110,8	94,0	157,4
	Trong đó: qua cảng Nghi Sơn	"	5.287	6.212	5.951	9.500	112,6	95,8	159,6
d	Doanh thu ngành vận tải	Tỷ đồng	6.808	9.000	7.790	9.000	114,4	86,6	115,5
6	Bưu chính - viễn thông								
	- Số máy điện thoại phát triển mới	Máy	461.183	323.000	323.000	354.000	70,0	100,0	109,6
	+ Cố định	"	5.183	3.000	3.000	4.000	57,9	100,0	133,3
	+ Di động	"	456.000	320.000	320.000	350.000	70,2	100,0	109,4
	- Mật độ điện thoại	Máy/100 dân	78,61	79,3	79,32	80,08		100,0	101,0
	- Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính - viễn thông	Tỷ đồng	3.367	3.245	3.390	3.504	100,7	104,5	103,4

Biểu số 5:

CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	So sánh %		
				Kế hoạch	Ước thực hiện		Ước TH 2016/TH 2015	Ước TH 2016/ KH 2016	KH 2017/ Ước TH 2016
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	1 000 người	3.514	3.541	3.541	3.564	100,76	100	100,65
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,44	0,23	0,23	0,21			
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	0,65	0,65	0,65	0,65			
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	Số bé trai/100 bé gái	115	115	115	115			
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,5	73,6	73,6	73,6	100,1	100	100,0
2	Lao động và việc làm								
	- Dân số trong độ tuổi lao động	1.000 người	2.364,7	2.380	2.380,0	2.396	100,6	100	100,7
	- Tổng số lao động đang làm việc	1.000 người	2.182,6	2.203	2.203	2.221	100,9	100	100,8
	- Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	63.000	64.000	64.000	65.500	101,6	100	102,3
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	9.925	10.000	10.000	10.000	100,8	100	100,0
	- Cơ cấu lao động								
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	27,5	29	29,0	30,5			
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	47,9	45	45,0	42,5			
	+ Dịch vụ	%	24,6	26	26,0	27			
	- Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	66.600	69.400	69.400	73.000	104,2	100	105,2
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	55	58	58	61			
	<i>Trong đó có văn bằng, chứng chỉ</i>	%	20	21	21	22			
	- Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị	%	3,7	3,6	3,6	3,5			
3	Giảm nghèo								
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	13,51	Giảm > 2,5%	11,00	Giảm từ 2,5% trở lên			
4	Y tế - xã hội								
	- Tổng số cơ sở y tế	Cơ sở	779	781	780	781	100,1	99,9	100,1
	<i>Trong đó: + Bệnh viện công lập</i>	<i>Bệnh viện</i>	<i>40</i>	<i>41</i>	<i>41</i>	<i>42</i>	<i>102,5</i>	<i>100,0</i>	<i>102,4</i>
	<i>+ Bệnh viện ngoài công lập</i>	<i>Bệnh viện</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>41</i>	<i>42</i>	<i>410,0</i>	<i>410,0</i>	<i>102,4</i>
	- Số giường bệnh (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	8 188	9.068	8.508	9.310	101,4	93,8	109,4
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	23,9	25,6	25,6	26,1	107,1	100,0	102,0
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Người	7,6	7,8	7,8	8,5	102,6	100	109,0
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới)	%	45,1	55,0	60,0	65,0			
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	75	76	79,5	82,3			
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	14,0	13,6	13,6	13,0			
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	19,0	18,5	18,5	17,0			
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng tuổi)	%	17,0	16,6	16,6	16,0			
	- Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	80,1	84,8	84,8	86,2			
5	Phát thanh - truyền hình								
	- Số giờ tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam	Giờ/năm	6.935	6.935	6.935	6.935	100	100	100
	- Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	5 110	5.110	5.110	5.110	100	100	100

A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
	<i>Trong đó Phát tiếng dân tộc</i>	<i>Giờ/năm</i>	243	243	243	243	100	100	100
	- Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh	%	99	99	99	99			
	- Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	<i>Giờ/năm</i>	6.935	6.935	6.935	6.935	100,0	100,0	100
	<i>Trong đó Phát tiếng dân tộc</i>	<i>Giờ/năm</i>	243	243	243	243	100	100	100
	- Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	98	98	98	98			
6	Văn hóa								
	- Tổng số báo chí xuất bản	1000 bản	4.866	4.916	5.241	6.130	107,7	107	117
	- Số di tích được tu bổ	Di tích	35	30	40	30	114,3	133,3	75,0
	- Tổng số làng, thôn bản, tổ dân phố đăng ký xây dựng văn hóa	Đơn vị	5.388	5.463	5.475	5.545	101,6	100,2	101,3
	<i>Trong đó . xây dựng mới trong năm</i>	Đơn vị	90	75	87	70	96,7	116	80,5
	- Tổng số cơ quan, đơn vị, DN đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa	CQ, ĐV, DN	2.448	2.598	2.609	2.769	106,6	100,4	106,1
	<i>Trong đó khai trương mới</i>	"	250	150	161	160	64,4	107	99
	- Tổng số xã đăng ký XD đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã	270	290	326	346	120,7	112	106,1
	<i>Trong đó khai trương mới</i>	xã	21	20	56	20	266,7	280,0	35,7
7	Thể thao								
	- Số vận động viên đào tạo tập trung	Người	500	500	500	500	100	100	100
	<i>Trong đó + Số kiện tướng</i>	"	70	70	70	70	100,0	100	100
	<i>+ Số vận động viên cấp I</i>	"	80	80	80	80	100,0	100	100
	- Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	36	37	37	38			
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	"	26	26,8	26,8	27,6			
	- Tỷ lệ trường học bảo đảm chương trình giáo dục thể chất	%	100	100	100	100			
	- Tỷ lệ cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể	%	100	100	100	100			
8	Giáo dục đào tạo								
a	Sự nghiệp giáo dục								
	- Tổng số học sinh đầu năm học	1.000 hs	681,3	706,0	733,0	751,9	107,6	103,8	102,6
	<i>Trong đó + Học sinh mẫu giáo</i>	1 000 hs	151,5	160,0	174,8	175,4	115,4	109	100,3
	<i>+ Học sinh tiểu học</i>	"	247,0	258,0	268,7	277,3	108,8	104,1	103,2
	<i>+ Học sinh trung học cơ sở</i>	"	185,0	191,0	190,2	195,5	102,8	99,6	102,8
	<i>+ Học sinh THPT</i>	"	97,8	97,0	99,3	103,7	101,5	102,4	104,4
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	%							
	<i>Trong đó + Học sinh tiểu học</i>	%	99,8	99,8	99,8	99			
	<i>+ Học sinh trung học cơ sở</i>	%	98	98	98	98			
	<i>+ Học sinh THPT</i>	%	100	100	100	100			
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	99	99	99	99,5			
	- Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	635	635	635	635			
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	100,0	100	100	100			
b	Cơ sở vật chất								
	- Tổng số trường học	Trường	2 154	2.154	2.112	2.086	98,1	98,1	99
	<i>Trong đó + Mầm non</i>	"	661	661	660	660	100	100	100
	<i>+ Tiểu học</i>	"	708	708	676	656	95,5	95,5	97
	<i>+ Tiểu học và THCS</i>	"	12	12	31	51	258	258	165
	<i>+ THCS</i>	"	637	637	609	583	95,6	95,6	96
	<i>+ THPT</i>	"	101	101	101	98	100	100	97
	<i>+ THCS và THPT</i>	"	6	6	6	9	100	100	150
	<i>+ TTGDTX-KTTHHN</i>	"	29	29	29	29	100	100	100
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.129	1.175	1.171	1.228	103,7	99,7	104,9
	<i>Trong đó + Mầm non</i>	"	317	332	336	357	106,0	101,2	106,3
	<i>+ Tiểu học</i>	"	535	555	545	555	101,9	98,2	101,8

A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
	+ THCS	"	258	265	274	285	106,2	103,4	104,0
	+ THPT	"	19	23	24	31	126,3	104,3	129,2
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	53,1	55,3	56,2	59,7	105,8		
	- Tỷ lệ phòng học kiên cố	%	86,4	87,0	86,5	86,8			
9	Quốc phòng - an ninh								
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%		70	70	70			
10	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững								
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	60	65	68	70			
	- Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	92	94	94	96			
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	52,8	52,1	52,92	53,03			
	- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	85,7	87	87	89			
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	88,6	90	90	92			

Biểu số 6:

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020
			Kế hoạch	Ước TH cả năm		
A	B	C	I	2	3	4
I	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh năm 2010)	%	9,0	9,05	12% trở lên	12% (bình quân 5 năm)
2	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	18,0	16,6	15,1	12,0
	- Công nghiệp và xây dựng	%	39,4	40,5	42,7	53,7
	- Dịch vụ	%	38,2	38,5	38,1	34,3
	- Thuế sản phẩm*	%	4,4	4,4	4,1	
3	GRDP bình quân đầu người	USD	1.630	1.620	1.750	3.600 (năm 2020)
4	Tổng sản lượng lương thực	Triệu tấn	1,67	1,726	1,60	1,5/năm
5	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.620	1.737	1.850	2.000 (năm 2020)
6	Tổng huy động vốn đầu tư trên địa bàn	Tỷ đồng	125.000	125.100	106.000	610.000 (5 năm)
7	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	11.100	12.300	13.512	
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	26	22		35% (năm 2020)
9	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	26,2	27,6	35,4	50% (năm 2020)
10	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	8,0	8,0		bình quân 11%/năm
11	Số doanh nghiệp mới được thành lập trong năm	Doanh nghiệp	1.150	1.400	3.000	
II	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI					
1	Tốc độ tăng dân số	%	0,65	0,65	0,65	bình quân 0,65/năm
2	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	45	45,0	42,5	35-38 (năm 2020)
3	Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ /10.000 dân	7,8	7,8	8,5	10 (năm 2020)
4	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường bệnh/10.000 dân	25,6	25,6	26,1	28,4
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	55	60	65	70% trở lên (năm 2020)
6	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế/tổng số dân	%	76	80	82,3	80% trở lên (năm 2020)
7	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	64.000	64.000	65.500	330.000 trở lên (5 năm)
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	58	58	61	70% trở lên (năm 2020)
	Trong đó: có văn bằng, chứng chỉ	%	21	21	22	25% trở lên (năm 2020)
9	Tỷ lệ hộ nghèo	%	11	11	8,5	Giảm 2,5% trở lên hàng năm (theo chuẩn mới)
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	55,3	56,2	59,7	70% trở lên (năm 2020)

A	B	C	1	2	3	4
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ che phủ rừng.	%	52,1	53	53,03	52,5 (năm 2020)
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	87	87	89	95% trở lên (năm 2020)
3	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	88	90	92	95% trở lên (năm 2020)
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	65	68	70	80% trở lên (năm 2020)
5	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	94	94	96	100% (năm 2020)
IV	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ					
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	70	70	70	70% hàng năm

Ghi chú: - * Cơ cấu thuế sản phẩm trong trong GRDP của Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đã được tính gộp vào 3 ngành còn lại.